

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình...

Tục: *thói quen* - phong *tục, tục* lệ.

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Cà cáy, cà kê dê ngỗng

Phải nướng “*con cáy*”
Để mà cúng tội

Câu ca dao trên, theo ông Thái Văn Kiểm vùng Bình-Trị-Thiên thường nói *gà gáy* là: “*cà cáy*”. Câu quen nói “cà kê dê ngỗng” đúng ra là “cà kê *nghe* ngỗng”. Vì “*nghe*” là một loài *ngan, vịt*.

(Lê Văn Lân – Do đâu có chuyện “cà kê”)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xấy: xấy chân: xấy đàn tan nghe; xấy nhà ra thất nghiệp”

Mục “xấy” có ba từ ngữ đều sai cả. “Xấy” (hay xấy) là dùng trong “*xấy ra*” (sự việc), khác với “*sấy*” nghĩa là mát mát, rơi rụng, lìa tan... Ví dụ, “Sấy vai xuống cánh tay”, “Sấy miệng, buột lời”, “Sấy cha còn chú, sấy mẹ bú dì”, “Con cá sấy là con cá to”... Theo đây, viết đúng phải là “sấy chân”, “sấy đàn tan nghe”, “sấy nhà ra thất nghiệp”.

(Hòang Tuấn Công)

Vát

Vát : *đoạn hành trình của thuyền*
(thuyền chạy *một vát*)

(Từ điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xấy: xấy đàn tan nghe; xấy tay”

Lỗi “s” thành “x” lặp lại ở mục này, chứng tỏ cái sai của các soạn giả không phải là “sơ sẩy”. Viết đúng phải là “sẩy chân”, “Sẩy đàn tan nghệ”, “Sẩy nhà ra thất nghiệp”.

(Hàng Tuấn Công)

Chửi mất gà - 1

Mày không thả con gà nhà bà ra, bà đóng ghế 3 tháng 10 ngày, buổi sáng bà chửi, buổi tối bà chửi, buổi trưa bà hú, bà nguyên, bà rửa cho cây vàng lá, cho quả chột thui, cho Thần Trùng đến rút từng khúc ruột của Cha Ông, vợ con nhà mày ra a a a a... Bà hú 3 hôm, 7 vía thằng đàn ông, 3 hôm 9 vía con đàn bà đã bắt con gà nhà bà. Bà gọi ông cầm cờ xanh đứng đầu ngõ, ông cầm cờ đỏ đứng sau nhà, ông cầm cờ vàng bên hữu, ông cầm cờ trắng bên tả yếm cho nhà mày đẻ con ra thì ngược, sinh cháu ra thì ngang vì đã dám ăn con gà nhà bà à à à à

Văn hóa ẩm thực: Thịt kho tàu

Thịt kho tàu không phải là món ăn của người...Tàu.

Đúng ra là “tàu”. Tàu đây hiểu theo người Nam ở miệt dưới như sông Cái Tàu Thượng, sông Cái Tàu Hạ.

Tàu nghĩa là... “lạt”.

Và kho tàu là kho lạt lạt chứ không phải kho mặn.

Tàu chứ không phải là...Tàu hay kho theo Tàu. Vì *bên Tàu lạnh nên không có dưa để có nước dưa chêm vào nồi thịt kho tàu.*

(Bình Nguyên Lộc)

Chửi mất gà - 2

À, mày tưởng mày là *tiên sĩ toán lý* mà bà không dám chơi toán học với mày à. Bây giờ bà chửi từ số học lên *tích phân*, xuống đại số rồi sang hình học cho mày nghe e e e e... Nếu gọi bố mày là A, mẹ mày là B, mày là C, bà lấy A cộng B cộng C, cho vào ngoặc bà *khai căn*, bà *vị tích phân* cả họ mày lên. ên..ên..ên..

Mày tưởng nuốt được con gà nhà bà là mày có thể yên ổn mà chơi trò “*công trừ âm dương*” trên giường với nhau à. Bà trị cho *tuyệt đối* hết cả họ chín đời nhà mày, cho chúng mày biết thế nào là “*vô nghiệm*”, cho chúng mày không sinh, không đẻ, không duy trì được nòi giống nữa... Bà sẽ nguyên rửa cho chúng mày đời đời chìm đắm trong “*âm vô cùng*”, sẽ gặp tai ương đến “*dương vô cùng*”, cho chúng mày chết rục trong địa ngục, cho chúng mày trượt đến “*maximum*” của sự “*vô hạn*” tối tăm âm âm...

(còn tiếp kỳ tới)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Tiến trình thành lập

Sau một thời gian tìm hiểu về hội Văn bút Quốc tế (P.E.N International), ngày 17-8-1957, một số văn nghệ sĩ lão thành đã quyết định thành lập tổ chức có tên là : “*Nhóm Bút Việt*”. (tức Văn Bút sau này)

Họ bao gồm 19 nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nhà biên khảo, kịch tác gia và cả họa sĩ mà danh tính theo tờ Thế Giới Tự Do Tập VII, số 9, năm 1957 thì như sau: *Linh mục Thanh Lãng*, Đỗ Đức Thu, Nhất Linh, Vương Hồng Sển, Vi Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương, Lê văn Siêu, Bùi

Xuân Uyên, Lê Ngọc Trụ, Phạm Việt Tuyền, Như Phong Lê Văn Tiến, Tchya Đái Đức Tuấn, V...V....

Khi thành lập, nhóm Bút Việt tuyên bố:

“Nhóm không phải là một tổ chức có hệ thống chặt chẽ, có chủ trương cương lĩnh đường lối nhất định nào hết. Nó không phải là một văn đoàn, văn phái. Cũng không phải là một hội ái hữu. Bút Việt chỉ là một câu lạc bộ của các nhà cầm bút muốn gặp nhau để trao đổi ý kiến về sáng tác, tìm hiểu cũng như giới thiệu”.

Như vậy trong buổi khởi đầu, Nhóm bút Việt đã hình thành trong một ý niệm hết sức rộng rãi và tự do.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ đẹp là tiên
Cứ nhiều là được cứ tiền là xong
(Bùi Giáng)

Linh mục Thanh Lãng

Tôi cũng giúp anh trong việc liên lạc với một hai nhân vật tại Sài Gòn như Linh mục Thanh Lãng. Lúc ấy Cha đang bị mấy thứ bệnh và cư ngụ tại căn nhà nhỏ trong khu xóm đạo phía bên trong đường Nguyễn Văn Thoại cũ, gần với nhà thờ Chí Hòa.

Một người cháu là sinh viên còn đi học sống cùng nhà với Cha và ban ngày thì có người đến giúp việc bếp núc cũng như dọn dẹp nhà cửa. Năm học đệ tam thời trung học, tôi là học trò của Cha ở *trường Lê Bảo Tịnh* và khi mới lên đại học cũng có dự những giờ của thầy Thanh Lãng trong thời gian ghi danh học thêm một chứng chỉ bên *Văn Khoa*.

Tôi mang đến mấy loại thuốc về tiểu đường và đau khớp mà anh *Trần Tam Tiếp* gửi về biếu Cha. Hình ảnh ông Chủ tịch Văn bút một thời, cùng vóc dáng một linh mục nhà giáo cao to đĩnh đạc, có thêm chút chải chuốt ở Văn Khoa ngày nào đã đi đâu mất tiêu. Trước mặt tôi lúc đó là một người đàn ông hom hèm khắc khổ và chỉ có đôi mắt còn lại về tinh anh trong thứ ánh sáng nhờ nhờ của căn phòng, ở quanh vách tường là các kệ gỗ chất đầy sách.

Trong chuyện trò thân tình, Cha say sưa khoe kể về mấy công trình biên khảo văn học đã thực hiện thêm sau này và việc biên soạn bộ từ điển Việt-Bồ-La đang tiến hành. Rồi bằng giọng trầm buồn, Cha cũng nói về tâm trạng day dứt khôn nguôi và nỗi ân hận dày vò qua việc đã tham dự vào diễn tiến yêu cầu Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận phải đi khỏi Tổng Giáo phận Sài Gòn đạo tháng 5/1975, chỉ sau ngày 30-4 được đâu hơn tuần lễ, khi mà tháng trước đó ngài vừa mới có bài sai về làm Tổng Giám mục phó với quyền kế vị. Nghe Cha nói, tôi nhớ lại hành động xu thời nông nổi cách quá đáng này của một số các linh mục và mấy ông trí thức Công giáo tả khuynh nơi thời gian ấy (Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, *Thanh Lãng*, Trương Bá Cần, Nguyễn Quang Lãm, Nguyễn Đình Đầu, Lý Chánh Trung...).

Cha Thanh Lãng từ trần vào năm 1990, và tôi được biết Cha có để lại Bản tạ lỗi cùng lời ăn năn sám hối với Chúa, với Hội thánh Công giáo và Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận, cũng như thành tâm cúi xin Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận tha thứ cho lỗi lầm của mình.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ăn tranh thủ ngủ khẩn trương

Học bình thường yêu đương là chính.

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn

Thạch Lam:

Truyện dài: *Ngày Mới* (1939).

Truyện ngắn: *Gió Đầu Mùa* (1937), *Nắng Trong Vườn* (1938), *Sợi Tóc* (1942).

Tùy bút: *Hà Nội 36 Phố Phường* (1942).

Tiểu luận văn học: *Theo Giòng* (1941).

Loại Sách Hồng (ký Thiện Sĩ): *Quyển Sách*, *Hạt Ngọc*, *Hai Chị Em*, *Lên Chùa*.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ dưới là ngu
Cứ cao là sáng cứ tu là hiền.
(Bùi Giáng)

163 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Đọc *Thạch Lam*, có người chê câu văn Thạch Lam và nói chung văn phẩm Thạch Lam là ít động tác ít hành động, và kết luận: "Cho nên Thạch Lam viết truyện dài không thành công". Tôi đồng ý là truyện dài *Ngày mới* của Thạch Lam không thành công, *nhưng rất dè dặt về cái điểm* "câu văn và văn phẩm nhất thiết phải có động tác phải nhiều hành động" bởi vì nhiều khi, *nhiều động tác quá* thì lại hóa ra *túi bụi*.

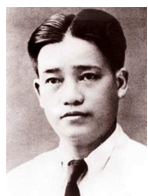
Cái chính trong truyện là nhân vật có làm, phải làm cái này cái kia, *nhưng nhân vật còn phải có cảm có nghĩ, có suy nghĩ nữa*. Và cái thế giới bên trong đó của một nhân vật của những nhân vật rất là cần cho sinh khí tiểu thuyết. Cái phần ấy mới đem đến cho nhân vật một cái chiều sâu và do cái thâm thúy đó, mới thỏa mãn được người bạn đọc và giúp gì cho người bạn đọc.

(Thạch Lam – Nguyễn Tuân)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Cứ chơi cho hết đời trai trẻ,
Rùi âm thầm lặng lẽ đạp xích lô.

Về cái chết của Dương Quảng Hàm



"...Dương Quảng Hàm là nhà nghiên cứu văn học. Hơn 20 năm (1920-1945), ông vừa giảng dạy, vừa viết sách giáo khoa văn học và sử học. Hai cuốn sách có giá trị nhất của ông là *Việt Nam văn học sử yếu* (1941), được xem là cuốn văn học sử phổ thông bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của nước ta và *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (1942).

Riêng tác phẩm *Việt Nam văn học sử yếu* được Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH dùng làm sách giáo lớp *đệ tam*.

Tháng 12-1946, đêm 19, trên các con đường của Hà Nội nổ súng đánh Pháp mù trời, Dương Quảng Hàm đã *"mất tích"*. Trong khi nhà ông *nằm trong vùng kiểm soát của phe kháng chiến, người Pháp chẳng có lý do gì để sát hại ông*.

Từ điển Tác giả Việt Nam ở trong nước viết: "Ông mất tích tại Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến". Từ điển này cùng một tác giả soạn, hai tháng sau, *không dùng chữ "mất tích" nữa*. viết là ông *"mất"*. Có sự cân nhắc nào, tại sao Cục xuất bản bộ Văn hoá

thông tin tại Hà Nội lại phải can thiệp để tác giả viết khác đi như thế? Từ *mắt tích đèn mắt, cái tích kia là thế nào?*

Cái chết của ông, như cái chết của các nhà văn hoá Việt khác, như Phạm Quỳnh, Khái Hưng là do bị ám hại...”

(Viên Linh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng ăn nhỏ toẹt lâu bầu chê ngu

Đã có một thời...

Vậy mà tôi vẫn phải sống như thế cho đến hôm nay. Các bạn tôi đã ra đi hết, người còn kẻ mất, đôi khi chẳng còn biết tin tức gì về nhau. Nhưng kỷ niệm vẫn còn đầy ắp trong tôi. Đêm cuối năm Ất Mùi này, chỉ cần chớp mắt là thấy hình ảnh từng người một xuất hiện. Thảo Trường luôn tưng tưng, ngang ngang, cứ như bất cần đời; Ông Mặc Thu có chùm râu tơ, luôn thích vuốt râu khi “đổi ầm” trà rượu cùng những việc vờ lặt vặt cho “lãng quên đời.”

Ông Nguyễn Sĩ Tế rất kiệm lời và vẫn nét mặt trang nghiêm của những “thầy đồ”. Trong trại tù, có lúc ông Tế nằm cạnh Trần Dạ Từ. Mỗi lần Nhã Ca lên thăm nuôi, Từ rủ mấy anh em bù khú. Có lần tôi nhập bọn, ông Tế còn mang cây violon do bạn tù tự chế ra biểu diễn nhạc cổ điển tây phương. Sau màn nghiêm chỉnh thưởng thức, chúng tôi cùng cười vui khi nghe Trần Dạ Từ nói nhờ chiều nào anh cũng được ông Tế bắt nghe Schubert bằng cái đàn lạc giọng này mà thừa sức lao động.

Trong số các bà thăm nuôi ngày đó, Nhã Ca là dân cùng nghề văn, cũng đã từng đi tù rồi nuôi tù nên quen biết mọi người. Tôi nhớ chuyện kiếp trước, một sáng mùa xuân nào đó thời đầu 1960, khi có dịp ra Huế, tôi đã cùng Thanh Nam lái xe đến gặp Nhã Ca và Từ ở ngôi nhà khu Bến Ngự. Thanh Nam đã ra đi từ lâu. Thái Thủy cũng vậy. Ba tên bạn thân của Sài Gòn ngày nào, mới đó đã là 30 năm, từ ngày được chia với Thái Thủy gói mì khi đoàn tù tả tơi từ Gia Trung chuyển trại về Hàm Tân.

Cũng chỉ mới đó thôi, khi Trần Dạ Từ – Nhã Ca ghé thăm tù biệt tôi để ra đi, nay đã là hơn một góc thế kỷ. Bây giờ, trong đám bạn tù nhà văn, Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Thủy, Thảo Trường đều đã ra đi, chỉ còn lại Trần Dạ Từ và tôi.

Đêm cuối năm, mỗi chớp mắt là thấy lại một người, một thời.

(Tết trong trại tù cùng bạn bè – Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đàn bà đi chợ là...vợ đàn ông

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Cũng nên nói thêm rằng, xa lạ với tính chất trong sáng, cô đọng, thường có ở các nhà văn lớp trước, một số nhà văn sau này lại *viết câu dài, rậm rạp*, ví dụ Nguyễn Thị Hoàng, “Vòng tay học trò” được viết bằng một nghệ thuật thành công, mặc dù sự nổi tiếng của nó thời ấy có thể do những yếu tố ngoài nghệ thuật, trong các câu văn đầy rẫy các tính từ và trạng từ, những cái bẫy nguy hiểm. Sở dĩ truyện thành công được như thế vì câu văn Nguyễn Thị Hoàng thể hiện trung thành lẽ lối cảm xúc và suy tư của người viết, của nhân vật, *rậm rạp dài dòng*, nhưng không rối.

Ngược lại với trường hợp Doãn Quốc Sỹ, Mặc Đỗ, Võ Hồng... tôi đọc Võ Phiến rất trẻ, đầu năm 1975, ở nhà người anh rể của tôi, vừa bị thương ở mặt trận về Tủ sách của anh có "Mưa đêm cuối năm", "Chữ tình"...Thời ấy có lẽ Võ Phiến không có nhiều độc giả, nên tôi ngạc nhiên là anh tôi đọc sách của nhà văn này nhiều đến thế. Sách của ông, thời nhỏ hơn tôi chưa đọc ông, nếu đọc chắc đã sớm bạc đầu.

Không phải vì Võ Phiến viết văn trịnh trọng, nghiêm nghị, khó khăn. Ngược lại mới đúng. Ông viết khơi khơi, nhẹ nhõm, dễ dàng, vừa kể chuyện vừa tìm tìm cười, tưởng như đang giữa chừng câu chuyện ông bỗng vỗ đùi đánh đét. Người mê viết văn đọc ông sẽ mê như điều đó, nhưng bắt chước không được. Khác vì cái tạng. Văn Mai Thảo thì người ta có thể "bắt chước" được. Nếu nhiều người viết làm mới ồn ào, người thì đảo câu đảo chữ trong tiểu thuyết, người thì siêu thực trong thơ, Võ Phiến lại lặng lẽ một mình đi suốt con đường của ông bắt đầu từ *Chữ tình*, 1956 đến *Chúng ta*, 1973, qua cách viết. Nếu Mai Thảo là người khai phá dòng tiểu thuyết tự truyện thì Võ Phiến là người mở đường cho cái mà ta có thể gọi là *phi tiểu thuyết* (non fiction), gồm tùy bút, tạp bút, tiểu luận, truyện ngắn, tạp luận của ông.

Đặc điểm của tiểu thuyết là kể chuyện, đặc điểm của thơ là liên tưởng, đặc điểm của tùy bút và phi tiểu thuyết là phát hiện. Văn chương Võ Phiến là văn chương phát hiện. Ông viết rất nhiều đề tài nhưng tôi cho rằng xuyên suốt các tác phẩm nung nấu một tâm sự về đất nước và chiến tranh, cái ưu thời mẫn thế. Mỗi khi nghĩ về nạn binh đao, của quê cũ thân yêu, bao giờ tôi cũng nhớ những đoạn văn Võ Phiến. Nghĩ đến chúng, tôi thấy lòng bình tĩnh lại, bớt đau khổ, bớt giận dữ, ấm lại, như đứng trước một người tri âm. Tôi nghĩ, văn học là sự an ủi.

(Nguyễn Đức Tùng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Dây tơ hồng ...quấn quanh chuông lợn.
Tình chúng mình có tợn quá không em

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Buồn vui cùng Trần Tuấn Kiệt

Căn nhà Trần Tuấn Kiệt ở bây giờ, xưa là một căn nhà trệt lợp tôn trong một khu gia binh. Cuộc sống ở căn nhà cũ gần chợ Vườn Chuối, sau bao chao đảo kinh tế, bị thời cuộc "dồn đuối" quá, vợ chồng anh phải bán đi để sống dạt ra xa với hy vọng yên thân được trong điều kiện bản thân còn trong tuổi quân dịch...

Căn nhà cũ của Kiệt ở trong một con hẻm nhỏ của đường Phan Đình Phùng. Mỗi khi ghé đây, tôi hay ngồi với Kiệt trên cái gác gỗ lợp tôn nhà anh, từ cửa sổ nhìn sang *nhà lồng chợ Vườn Chuối* lộ nhô những mái tôn dưới tầm mắt. Những năm 1960 là thời điểm cực thịnh của văn nghệ Sài Gòn, nhiều bạn trong giới văn nghệ đến đây với anh, và tôi cũng quen được nhiều người trong số họ vào những dịp này.

Anh luôn luôn có nhiều bạn, nhưng bạn bè đến nhà ở hai nơi cũ và mới có khác nhau. Độ rày anh cũng ít đi đâu, đến nhà thường là gặp. Cứ mỗi lần gặp là lại thấy cái dáng lững thững rất riêng của anh, dù chỉ trong mấy bước chân đi. Một lần, tôi ghé lúc ngang sáng, anh đi từ trong nhà ra, miệng lẩm nhẩm mấy câu thơ trong tập *Chân Ngôn*, "Ta giang hồ thuở bé/ Quên cả tình mẹ cha/Giờ đến ngày giỗ mẹ/ Thấy cả lòng xót xa," đoạn bước đến võ võ vào cái xe máy của tôi với đôi mắt dân dân đỏ rồi trầm giọng xuống: "Mày lại chơi với tao, cảm ơn mày!"

(Nguyễn Văn Đậu)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Sách mười bồ thua một ô che đầu.

Nguyễn Đình Thiều

Nguyễn Đình Thiều sinh ngày 14-2-42 tại Sơn Tây. Ra Hà Nội, theo học trường tiểu học Lý Thường Kiệt rồi trường trung học Thăng Long cho đến năm 1954 di cư vào Nam. Từ 1954 cho tới 1958 Nguyễn Đình Thiều sống tại Nha Trang tiếp tục việc học.

Năm 1959 ông vào Saigon, kết thúc năm cuối cùng bậc trung học vì ông phải lao vào đời kiếm sống vì gia đình không đủ giúp ông vào đại học. Suốt hai năm 59 - 60, ông sống dọc miền biên giới và cao nguyên Trung phần, hưởng cuộc đời tranh đấu hiểm nguy và ly kỳ như những nhân vật mà ông đưa vào tiểu thuyết sau này...

Năm 1961 ông bỏ rừng già về Saigon gia nhập quân chủng Không quân. Từ 1962 tới 1964 ông du học tại Hoa Kỳ, trở về nước ông phục vụ trong quân chủng Không quân tại hầu hết các Không đoàn trên toàn quốc. Cuối năm 1965 ông được chuyển về phụ trách nguyệt san Lý Thường cùng một số nhà văn Không Quân tại Bộ Tư Lệnh Không Quân (Tân sơn Nhứt).

Từ 1966 Nguyễn đình Thiều công tác với các nhật báo: Tiền Tuyến, Sống, Và các tuần báo: Kịch Ảnh, Mảnh Ảnh, Con Ong...

Tác phẩm

Võ đạn cho con trai đầu lòng (Truyện dài, 1969)

Bay vào lửa đạn (Truyện dài, 1970)

Chém mướn (Truyện dài, 1971), v...v...

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Ai vô xứ Nghệ thì vô , còn tui tui cứ thủ đô tui về.

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tản Đà chết trong nghèo túng

Vì làm báo, quản lý báo với cung cách của một "trích tiên", một "Á Đông Khổng Tử chi đồ" nên sự nghiệp làm báo của Tản Đà không thể vươn xa như Vũ Bằng, Nhất Linh dù ông có công đào tạo nên nhà báo, nhà văn xuất sắc là *Nguyễn Công Hoan*.

Từ sau khi *An Nam tạp chí* đình bản vĩnh viễn, cuộc sống của Tản Đà vốn đã nghèo túng càng trở nên thiếu thốn, phải chạy ngược chạy xuôi để kiếm sống. Ông phải đăng quảng cáo trên báo với nội dung: "*Nhận làm thuê các thứ văn vui, buồn, thường dùng trong xã hội*", rồi mở lớp dạy Quốc văn hàm thụ, Hán văn diễn giảng nhưng không có học trò, *mở ngôi hàng đoán số tử vi Hà Lạc* cũng không có khách. Và rồi Tản Đà qua đời ngày 17/6/1939 (ở tuổi 51) *vì bệnh gan, để lại vợ và tám con*.

(xem Nguyễn Công Hoan ở dưới)

Đường văn ngõ chữ

Suýt gặp họa vì... mang theo súng

Theo nhà văn Tô Hoài kể lại, một lần, *Nguyễn Công Hoan* cùng nhà thơ Thôi Hữu có việc đi Sơn Tây. Nguyễn Công Hoan vận bộ quân phục mới, đội mũ ca lô sĩ quan dạ tím có sao vành tròn, lưng giắt súng lục, dáng vóc trông thật cao lớn, oai vệ.

Thật bất ngờ, hôm ấy, Tây ở Hà Nội tân công lên tận huyện Phúc Thọ. Chúng trên mặt đê, bắn tràn vào làng. Dân gồng gánh xô xuống bãi, chạy giặc. Nguyễn Công Hoan cũng lẫn trong đám này. Thấy vóc dáng nhà văn không bình thường, lực lượng dân quân lập tức tra hỏi, giữ giấy tờ, rồi trói ông lại. Người ta nghi ông là "Việt gian". Tình thế rất nguy hiểm, bởi khi ấy giặc đang đuổi tới, mà anh em thì không có thời giờ "điều tra thêm".

May mà rồi nhà văn cũng thoát nạn. Đến nửa đêm, ông trở về Đồng Lư, vết trói còn lằn đỏ tay, mũ và súng không còn nữa.
Ông nói: "Từ giờ thì ketch không dám đeo súng".

Thành ngữ tục ngữ

Đánh chó đá vãi cú

Chê kẻ bất tài mà lại hay khoe khoang

(Nguyễn Dư)

Đường văn ngỗ chữ

Nhà văn lão làng và tên lừa đảo

Cũng vẫn theo nhà văn Tô Hoài kể lại, thì ở tuổi ngoài bảy mươi *Nguyễn Công Hoan* đã bị một kẻ "mạo danh" với mục đích... lừa tình. Hôm đó, cơ quan Hội Nhà văn được tin báo có khách ở Gia Lâm sang. Khách gồm 2 người: Một chị công tác ở Hội Phụ nữ huyện và một bác làm thường trực UBND huyện. Với cương vị phó tổng thư ký Hội Nhà văn, Tô Hoài ra tiếp khách. Và ông được thông báo rằng: "Chị phụ nữ đây sắp lấy nhà văn Nguyễn Công Hoan". Lý do bác ta tới đây là để tìm hiểu "Cậu nhà văn Nguyễn Công Hoan ấy lý lịch ra sao". Nhà văn Tô Hoài nghe vậy lấy làm kinh ngạc. Song, bằng sự nhạy cảm của mình, ông hiểu ngay vấn đề. Và ông tìm cách gợi chuyện để thông tỏ ngọn ngành...

Thì ra, ở Gia Lâm có một gã thanh niên khoảng 30 tuổi mạo xưng là "nhà văn Nguyễn Công Hoan" và đã "tà lư" được chị phụ nữ kia, đến độ chị chàng đang có ý định tính chuyện trăm năm với gã. Rõ ràng, người phụ nữ có yêu văn chương thật, nhưng trình độ văn hóa quá thấp. Sau khi nghe ra vụ việc, nhà văn Tô Hoài lim dim mắt, nói: Hội Nhà văn không có "cậu" Nguyễn Công Hoan nào, chỉ có..."cụ" Nguyễn Công Hoan. Và về tuổi thì cụ Nguyễn Công Hoan có thể đẻ ra được tôi.

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Ăn chơi sợ gì mưa rơi.

Chân dung hay chân tướng nhà văn

Nhưng khi *Chân dung nhà văn* của Xuân Sách in xong, nhà văn Hoàng Lại Giang cho biết : "Phản ứng của nhà văn rất lớn, và đây là điều tôi không ngờ đến. Những nhà văn lớn có bản lĩnh, họ chịu đựng nổi, im lặng. Nhưng những nhà văn tầm tầm, lòng lộn, rất gay gắt yêu cầu Bộ Văn hóa kiểm điểm và thu hồi."

Một cuộc họp của Bộ Văn hóa diễn ra, với năm đại diện: Ba thứ trưởng (Phan Hiền, Huy Cận, và Nông Quốc Chấn), đại diện Hội Nhà văn Vũ Tú Nam, cùng giám đốc NXB Văn học Lữ Huy Nguyên quyết định không thu hồi nhưng niêm phong số bản in 3000 cuốn.

20 năm sau, cho tới tận bây giờ, số sách này vẫn bị chôn dưới hầm cầu thang chi nhánh NXB Văn Học tại 290/20 đường Công Lý, Sài Gòn, chắc đã làm mồ cho mối.

(Nhật Tuấn)



Nhật Tuấn là em nhà văn Nhật Tiến, tên thật: Bùi Nhật Tuấn. sinh năm 1942 tại Hà Nội. Mất ngày: 6-10-2015 tại Sài Gòn.

Tác phẩm: Bận rộn (1985), Lửa lạnh (1987), Biển bờ (1987), Niềm vui trần thế (1989), Đi về nơi hoang dã (1990), Một cái chết thông thả (1995).

Trong cuộc phỏng vấn của bà Phạm Thị Hoài, nhà văn Nhật Tuấn cho hay: "Tháng 10 -1975 tôi vào Sài Gòn gặp ông anh ruột là nhà văn Nhật Tiến. Tôi bảo: "*Thôi ông ra nước ngoài đi, người như ông không sống ở đây được đâu*" Tôi cũng vậy, tôi không có cảm giác mình là "*phe chiến thắng*" mà chỉ là dân "*ngụ cư*", *dân Bắc Kỳ 75*".

Nhân Văn Giai Phẩm

Trại Cống Trời

Chúng tôi được tập trung ở Hỏa Lò Hà Nội từ khắp mọi miền đất Bắc. Tay xích còng số 8, hai người một. Hàng đầu: Cha Vinh (địa phận Hà Nội) người bị kết án có 18 tháng tù thôi thể mà hóa ra án tử hình. Cha Quế, địa phận Xã Đoài, Nghệ An. Thứ đến là *Nguyễn Hữu Đang*, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm. Tiếp sau đó là một lũ tù dây, đầu trần trán khỉ, hồi hám rách rưới, chống bướng, cứng đầu cứng cổ không chịu sự cải tạo của Đảng và chính phủ, bọn "dám bẻ que chống trời..."

Chúng tôi lên xe đi. Súng ống bao quanh. Đi đâu? Không ai ai biết cả. Cả những người cầm súng, cũng không biết. Có lẽ chỉ có một người biết. Người đó xách cặp đen đựng danh sách tù nhân, mặt mũi tử tế, ăn mặc dân sự, đi trên chiếc xe ca dẫn đường. Chỉ biết là chúng tôi đi lên hướng Bắc. Ngày đó đường xá đầy ổ gà ổ voi, xe đi chậm. Mãi trưa chúng tôi mới tới Vĩnh Yên. Nghỉ lại ăn cơm trưa.

Tôi ngồi gần Nguyễn Hữu Đang, thấy người xách cặp đen đi qua để "kiểm tù" nói năng lễ độ tử tế, nhẹ nhàng với anh Đang.

"Anh Đang, anh có khỏe không?"

"Vâng, tôi khỏe"

Hai người nhìn nhau thông cảm. Qua phà chúng tôi ngủ lại trại giam Tuyên Quang. Lệnh: Không được cời xích tay. Qua một đêm không thể nào mà ngủ được. Thằng muốn đi ỉa đi đại, phải đánh thức thằng tù đang ngủ dậy. 5 giờ dậy đi tiếp. Kiểm số tù lần cuối vẫn là ông xách cái cặp đen tử tế. Ông ta tỏ vẻ rất biệt đãi đối với anh Đang, làm tôi nghĩ đến chuyện "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân. Đến Hà Giang, sau khi ăn cơm trưa, chúng tôi đi tiếp vào một con đường mới mở, hẹp và cheo leo. Mọi người nhìn nhau:

"Đi mô?"

Mấy ông Nghệ Tĩnh hỏi nhau.

"Có lẽ sang Tàu."

Anh Đang bảo: "Lên Cống Trời Cẩn Tỷ." (*)

(*) Theo tác giả trại Cống Trời có 72 người thì độ chừng 11 người sống sót.

(Cống Trời Cẩn Tỷ - Kiều Duy Vĩnh)

Thành ngữ tục ngữ sai

Gà lấm lưng

Khi chọi nhau, gà ngã ngựa lưng chắm đất là không còn chọi được nữa.

Thực ra đến *thời kỳ chịu trống*. Vì *con trống nhảy lên lưng "đạp mái"* nên *gà mái mới bị lấm lưng*.

(Hoàng Tuấn Công)

Chính phụ ngâm bị khảo

Trong khi ấy như đã trình bày ở trên, Phan Huy Ích đã nhìn nhận mình từng dịch tác phẩm này trong lúc nhàn hạ và tự hào là đã lột tả được tâm sự của tác giả Đặng Trần Côn: Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc, Tự tín suy minh tác giả tâm.

Nếu Đoàn Thị Điểm nổi danh trên văn đàn trước Phan Huy Ích, thì ở thế hệ sau, Phan Huy Ích danh tiếng nổi như cồn, về học vấn, tài ngoại giao và về sáng tác khó ai bì kịp.

Phan Huy Ích có tên hiệu là Dụ am, sinh ngày 12 tháng Chạp năm Canh Ngọ (1751), ở làng Thu Hoạch huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An (nay thuộc Hà Tĩnh). Thuở nhỏ, ông sống và học tập tại làng Thu Hoạch, đến năm 20 tuổi, năm 1771, thi đỗ Giải Nguyên trường thi Nghệ An ông được triều đình thu dụng và bổ nhiệm một chức quan nhỏ tại trấn Sơn Nam. Ông trở thành *học trò của Ngô Thì Sĩ được thầy mến tài và gả con gái cho*.

Năm 1775, ông cùng người anh vợ là Ngô Thì Nhậm cùng đỗ tiến sĩ. Ông từng là nhân vật được chúa Trịnh tin dùng. Cuối năm 1787, Tây Sơn ra Bắc lần thứ hai. Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu. Năm 1788, Bắc Bình vương ra Bắc, xuống chiếu cầu hiền. *Phan Huy Ích cùng Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thế Lịch* ra hợp tác với Tây Sơn. Quang Trung trọng đãi họ Phan, giao cho ông phụ trách công việc ngoại giao.

Vua Quang Trung mất. 1802, quân Nguyễn vương (Nguyễn Ánh) kéo ra Bắc, Tây Sơn diệt vong. *Ông bị bắt cùng với Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thế Lịch*, cả ba đều bị đánh đòn trước *Văn Miếu* vào năm 1803. Năm 1814 ông về quê và sau đó lại chọn Thụy Khuê, sống ẩn dật mở trường dạy học và trong lúc thư nhàn đã dịch Chinh phụ ngâm. Ông mất ngày 20-2-1822, hưởng thọ 73 tuổi.

(Chinh phụ ngâm bị khảo – Hoàng Yên Lưu)

Văn miếu

Người Hà Nội vẫn gọi Văn miếu là "nhà Giám", cái tên Văn miếu chỉ các nhà trí thức, học giả, mới dùng đến. Nhưng thực ra Văn miếu không phải là "nhà Giám", gọi là "nhà Giám" là sai. *Miếu* là đền thờ, *Văn* là *văn hóa, văn đạo, văn* phải hiểu theo nghĩa rộng *gồm cả triết lý, thiên văn, lục nghệ* [lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số] chứ không phải chỉ rèn luyện câu văn cho hoa mỹ. Văn miếu thờ Khổng Tử [551-479 TCN] và cả các danh nhân có công truyền bá đạo Khổng, cũng gọi là đạo Nho, dùng *văn trị* đào tạo các quan văn phép trị nước bằng lễ, dạy dân hiểu lễ nghĩa, biết cách cư xử có tôn ti trật tự, xã hội sống hòa mục, yên bình.

Vì sao người Hà Nội lại gọi Văn miếu là "nhà Giám" ? Theo Trần Hàm Tấn thì lúc đầu tuy *cùng chung địa điểm* nhưng có sự phân biệt giữa Văn miếu và Quốc tử giám. Đến năm 1136 *Văn miếu dọn ra nơi khác* còn *Quốc tử giám ở lại chỗ cũ*.

Đến thời Hậu Lê thì trước cổng Văn miếu chỉ treo biển "*Thái học môn*", tức *Quốc tử giám*. Đọc "Cuộc bình văn trong nhà Giám" [Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ] ta thấy đến thời Lê Trung Hưng danh từ "*nhà Giám*" đã thông dụng để trở chung *Văn miếu* và *Quốc tử giám*. Cái tên "Văn miếu" có lẽ được sử dụng trở lại từ thời Gia Long bởi thời Tây Sơn dân chúng vẫn còn quen dùng từ "nhà Giám" để trở Văn miếu.

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Hát cung văn

Hát văn mang âm điệu dân ca Phú Thọ, quan hệ gần. Dân ca Phú Thọ, là cái nội sinh ra các loại dân ca đồng bằng bắc bộ: hát văn, ca trù, quan họ, hát chèo, mức độ xa gần khác nhau. Hát văn chia thành ba hình thức: hát thờ, hát hầu bóng, hát cộng đồng. Mở đầu thỉnh mời thánh về, tiếp theo kể công đức, cầu mong ước muốn, tiễn thánh. Một buổi hát diễn ra nhiều điệu hát: Phú nói, phú chênh, phú rầu, ngâm thơ, văn, đọc, cờn, hãm, dòn, xá. Tùy mỗi nghi lễ, các điệu hát lặp lại kéo dài nhiều giờ.

Hát thờ, hát tôn vinh các vị thánh vào dịp hội xuân. Sau hát thờ vào hầu bóng. Hầu bóng tứ phủ, lễ các vị thánh. Hát múa hầu đồng nhập hồn vào người ngồi đồng. Hát cửa đền, một hình thức nghi lễ về vị thánh hiển linh tại ngôi đền. Ngày nay hình thức này, còn hát cho người vắng thăm đền.

Hát cung văn, hát châu văn, hát văn, hát bóng... một hình thức diễn xướng tâm linh văn hóa xứ Bắc, đậm màu tâm hồn Việt. Tồn tại lâu đời trong dân gian từ Bắc đến miền Trung, phát

triển mạnh tại các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, lên cả miền núi Lạng Sơn, Quảng Bình...

(Tuấn Giang)

Thần Nông

Thần nông là gì. Những lần tôi học chữ nho, các ông dạy tôi học, dù cho rằng *Thần nông có nghĩa là vị thần trông coi về nông nghiệp*. Tôi đã hiểu như thế trong rất nhiều năm, mãi cho đến khi tôi biết rõ cơ cấu của Hoa ngữ thì tôi bắt đầu nghi ngờ.

Trong cơ cấu của Hoa ngữ thì ở các từ loại đó, *chữ thứ nhì là chữ quan trọng*, khác với trong Việt ngữ mà *chữ thứ nhất là quan trọng*. Trong Việt ngữ thì “Thần” là chữ quan trọng, nhưng sách Tàu thì lại viết là Thần Nông chứ đâu có viết là Nông Thần. Mà cơ cấu Hoa ngữ thì như thế đó *“Nông” mới là quan trọng*.

Người mà tôi hỏi là Lý Văn Hùng, người Quảng Đông ở Chợ Lớn. Ông chỉ là thầy giáo Tàu thôi, nhưng ông ta viết được vài quyển sách về lịch sử cận đại của miền Nam bằng chữ Tàu, và nhất là ông ta dạy Quan Thoại và văn hóa Trung Quốc ở Văn khoa Đại học ta, nên tôi nghĩ rằng chắc ông ta cũng không dở lắm.

Chú Lý Văn Hùng đã được tôi tín nhiệm, thế nên tôi cũng cứ hỏi chú Thần Nông là gì. Chú ấy biết tiếng Pháp, chú giải thích: *“Thần Nông là nông nghiệp thiêng liêng, chứ không phải ông thần của nông nghiệp đâu.”*

Tôi thấy là chú ấy có lý quá. Vậy quý vị nhà nho ta nghĩ sao?

Đây là học hỏi của tôi với một người Tàu. Ông họ Lý đó, dở hay giỏi, tôi không đủ sức biết, nên xin ghi lại đây cho quý vị nho học ta xét lại. Nếu ông họ Lý dạy sai thì tôi sẽ bỏ những gì mà tôi được biết nhờ ông ấy, và sẽ nghe theo những lời chỉ dạy hữu lý hơn của các vị khác.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân Hợp chúng quốc.

Từ này đáng lẽ phải đọc là *hợp chúng quốc* (*chúng* 眾 nghĩa là *nhiều*), nhưng chữ *chúng* thường bị đọc sai thành *chủng* và trở thành thói quen. Soạn giả không vạch rõ được điều đó.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Vày

Vày : *vò trong tay*
(*vày vò*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xẻ: xẻ cơm nương áo”

Viết đúng phải là “Sẻ cơm nương áo”. Vì “sẻ” đây là “sẻ” trong “san sẻ”, “chia sẻ”.

(Hòang Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Chữ: *bây giờ*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xi: xỉ máng; xỉ nhục”

Viết đúng phải là “sỉ máng”, “sỉ nhục” 恥辱, vì “sỉ” 恥 là yếu tố gốc Hán, có nghĩa là làm cho nhục nhã.

(Hàng Tuấn Công)

Thành ngữ tục ngữ

Nói rần (*) trong lỗ bò ra
(*rần không có...ta*) (*)

Nói con kiến trong lỗ cũng phải bò ra

Khen người có tài ăn nói

(Nguyễn Dư)

Phù dung, phù du

Phù dung là một loại cây sống trong nước.
Lá to, hoa đỏ, trắng hay vàng.

(Lý Bạch, Vương Xương Linh cho "phù dung" là một loài sen)

Phù du là tiếng Hán, tiếng Việt là *con vờ* hay *con vờ vờ*.
Một thứ côn trùng ban ngày bay ở trên mặt nước, tối hay bay ở gần bóng đèn và mau chết.

Phù là nổi lên mặt nước, còn có nghĩa khác là *hư không*.
Phù dung và *phù du* chỉ đời sống ngắn ngủi, *vô thường*.

Thơ yết hậu

Thể thơ gọi là "yết hậu" là thứ thơ đường luật biến thể, gồm *bốn câu: ba câu đầu có bảy chữ, câu cuối chỉ có một chữ* mà thôi..

Thí dụ với Phạm Thái
Sống ở dương gian đánh chén nhè
Chết về âm phủ cấp kè kè
Diêm vương phán hỏi rằng chi đó
"Be"
(be rượu)

Chữ nghĩa xưa cũ

Cây dừa tiếng Bắc thời vua Lê chúa Trịnh gọi là “cây da”.
Thời chúa Nguyễn, theo chân những người di dân vào miền Nam khai phá đất hoang vẫn là cây dừa.

Phương ngữ Vĩnh Long gọi là *cây gừa*, Ba Tri gọi là *cây già*.

Chữ nghĩa làng văn

Ở Hà Đông có làng *Kẻ Noi* là tiếng Nôm, *Cổ Nhuế* là tiếng Hán, tục truyền rằng: Vào thời Lý, Đông Chinh Vương đi đánh giặc ghé qua làng được tiếp đón nồng hậu. Trước khi ra trận, già làng hỏi nếu Vương “bãi sa tràng thịt nát xương tan” hãy cho làng lập đền thờ. Vương không thuận, vì thấy đất đai làng là vùng *đầm lầy* không canh tác được, dân làng phải đi lấy phân về ủ cho hoai để bón ruộng vườn.

Từ *đầm lầy* “lội ngòi *noi* nước”, “*noi*” là “lần theo” vì vậy có tên *Kẻ Noi*. Từ gánh phân, dân gian có câu “Đào Nhật Tân, phân *Cổ Nhuế*” để nói về nghề này.

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn

Hoàng Đạo:

Tiểu Luận: *Bùn Lầy Nước Động* (1936), *Mười Điều Tâm Niệm* (1939).

Phóng Sự: *Trước Vành Móng Ngựa* (1938).

Truyện Dài: *Con Đường Sáng* (1940)

Truyện Ngắn: *Tiếng Đàn* (1941).

Loại Sách Hồng: *Con Cá Thần*, *Lan và Huệ*, *Con Chim Di Sừng*, *Sơn Tinh*, *Lên Cung Trăng*.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Khi xưa vắc bút theo thầy

Bây giờ em lại vắc cày theo trâu

164 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhưng chú Đình Hùng thì khác. Trí nhớ của nhà thơ này mới thật đáng nhớ. Trong cuốn hồi ký viết về những kỷ niệm “chia ngọt sẻ bùi cùng Thạch Lam” chú đã tả quang cảnh nơi tôi đang đối diện này bấy mười năm trước như sau:

“Tuy là nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính cửa chớp, có thêm cao, một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rủ cành lá xuống nước và khóm tre xào xạc ngoài cổng.”

Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi thán thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lâu đài dinh thự nào...

Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam dạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ nhỏ là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, *Nguyễn Tuân*, một lần Nguyễn Đỗ Cung...

Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân tác giả *Hà Nội băm sáu phố phường* thực đã xứng đáng với cái danh ‘Hào sĩ’ mà chúng tôi tặng anh. Tôi không bao giờ quên được bữa rượu đầu tiên có mặt Nhất Linh, Thế Lữ, Huyền Kiêu, Thạch Lam...”

(Thạch Lam - Nguyễn Tường Thiết)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ăn trông nồi, ngồi trông người bên cạnh

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Điều đáng chú ý là theo danh sách, ta không thấy có tên nhà văn Nhất Linh, một tên tuổi lão thành mà nhiều người vẫn thường nghĩ ông là một trong những vị đứng ra sáng lập tổ chức Văn Bút.

Tuy nhiên nếu so sánh ngày tháng và nơi cư trú của Nhất Linh ngày ấy thì ta thấy:

- Ông từ Hương Cảng trở về Hà Nội khoảng cuối năm 1950
- Đầu tháng 4 năm 1951, ông dời Hà Nội vào Nam.
- Năm 1954, khoảng tháng 7, ông qua Pháp để chữa bệnh. Thời gian này gia đình ông cũng di cư vào Nam sau Hiệp định Genève, và cư ngụ ở khu chợ An Đông, Sài Gòn.
- Năm 1955, ông lên Đà Lạt với quyết định ở luôn trên ấy.
- Năm 1957 ông mua lô đất ở ven quốc lộ 20 Sài Gòn – Đà Lạt, ở phía nam của làng Fim-Nôm và dự tính xây một căn nhà cho chính ông. Thời gian này *ông sáng tác tác phẩm Xóm Cầu Mới*.
- Năm 1958, sau một cơn bão phá sập căn nhà ông đang cư ngụ nên dời về Sài Gòn để từ đó bắt đầu chuẩn bị cho tờ giai phẩm *Văn hóa Ngày nay* với số đầu ra mắt vào ngày 17-6-1958.

Như thế, khi các văn nghệ sĩ chuẩn bị thành lập nhóm Bút Việt từ năm 1957, nhà văn Nhất Linh đã không có mặt ở Sài Gòn. Mãi tới tháng 12-1957, nhóm mới mời ông làm cố vấn và hội viên danh dự. Tới niên khóa 1961-1962, ông được bầu làm chủ tịch Văn Bút với hai vị phó thủ tịch là *LM. Thanh Lãng* và Vi Huyền Đắc.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Qua đình ngả nón trông đình.
Nhìn anh ăn mặc thùng thình thấy ghê.

Linh mục Thanh Lãng

Tên thật là Đinh Xuân Nguyên, sinh ngày 23-12-1924 tại Tam Tổng, Nga Sơn, Thanh Hóa. Thuở nhỏ ông học ở trường làng, 12 tuổi thi vào Tiểu chủng viện Ba Làng. Năm 1945, ông thi đậu tú tài, đi giúp xứ đạo. Đến 1947, học triết trong hai năm tại Đại chủng viện Xuân Bích (Hà Nội). Năm 1949, được cử sang học tại Trường truyền giáo Roma (Ý) và được thụ phong linh mục ngày 20-12-1953.

Sao đó, ông theo học văn chương và đồ tiến sĩ tại Đại học Fribourg, Thụy Sĩ. Năm 1957 về nước, ông được bổ nhiệm giảng dạy tại Đại học Văn khoa Huế, Đại học Văn khoa Sài Gòn từ năm 1957 đến 1975.

Ngày 17-12-1978, ông qua đời tại Sài Gòn, sau một thời gian ngắn lâm bệnh.

Những năm 1958 - 1975, là thời kỳ ông chuyên tâm nhất trong lãnh vực văn chương. Ông là chủ biên của các tạp chí như: *Việt tiến, Trách nhiệm, Nghiên cứu văn học, Tin sách...* và viết bài cho nhiều báo khác. Đa phần, bài viết của ông xoay quanh các vấn đề: lịch sử phát triển chữ Quốc ngữ, văn chương Quốc ngữ, giáo trình văn chương, một số bài viết về các tác giả: Nguyễn Du, Nhất Linh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh,...Để bài viết thêm chất lượng, ông học thêm tiếng Bồ Đào Nha, chữ Nôm.

Đã xuất bản:

Khởi thảo văn học sử Việt Nam: Văn chương bình dân (Hà Nội)

Biểu nhất lãm văn học cận đại Việt Nam (Sài Gòn, 1957)

Đóng góp của Pháp trong văn học VN (Luận án Tiến sĩ, 1961)
Thử suy nghĩ về văn hóa dân tộc (Sài Gòn, 1967)
Bảng lược đồ văn học Việt Nam (2 tập, Sài Gòn, 1967)^[2]
Văn học Việt Nam: Đối kháng Trung Hoa (Sài Gòn, 1969)
Phê bình văn học thế hệ 1932 (2 quyển, Sài Gòn, 1972)
Tự điển Việt-La-Bồ (dịch với Hoàng Xuân Việt và Linh mục Đỗ Quang Chính, 1991) -13 năm
tranh luận văn học (3 tập, 1995)

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Phi công trẻ lái máy bay bà già

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Nói về ảnh hưởng, tôi cho rằng văn học miền Nam chịu ảnh hưởng của bảy thứ sau đây: văn học tiền chiến, chủ nghĩa hiện sinh, phong trào tiểu thuyết mới, chủ nghĩa siêu thực, phân tâm học, thiền và triết học Đông phương. Các khuynh hướng ấy có khi bộc lộ rõ ràng, có khi kín đáo, các tác giả có khi ý thức, có khi không ý thức về chúng. Nhiều người xem ảnh hưởng của văn học tiền chiến lãng mạn như Thơ Mới hay Tự Lực Văn Đoàn lên các thế hệ sau là quá trình tự nhiên.

Nhưng thật ra ở ngoài Bắc trong cùng thời gian đó, các tác phẩm này *không được lưu hành và không được giảng dạy trong nhà trường*, vì vậy *khó có thể nói là hầu hết các nhà văn miền Bắc sau này*, mà người ta gọi là thế hệ chống Mỹ, đã *chịu tác động mạnh mẽ của chúng*. Những tác giả này chịu ảnh hưởng của dòng văn học cách mạng và kháng chiến, như tôi có đề cập ở trên.

Xin nêu một ví dụ. Về hình thức thơ ca, miền Bắc sử dụng rất nhiều và rất tài hoa thể thơ tự do, trong khi cùng thời gian, bất kể những thành tựu lớn, và trừ một vài ngoại lệ, miền Nam chủ yếu vẫn đứng lại ở các thể thơ truyền thống. Điều này cần được xem xét dưới góc độ tác động của các nền thơ đi trước nó. Miền Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của thơ văn lãng mạn tiền chiến, đặc biệt là Thơ mới, trong khi miền Bắc chịu ảnh hưởng trực tiếp của thơ văn kháng chiến chống Pháp và dòng văn học cách mạng.

Sự giới thiệu và tiếp nhận ảnh hưởng cũng như phát triển của bảy khuynh hướng vừa nói trên đều do công lao to lớn của nhiều nhà *nghiên cứu, phê bình, hay dịch giả*, ví dụ Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Trung, Tam Ích, Trần Thái Đĩnh,, Nhất Hạnh, Kim Định, Trần Văn Toàn, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Lê Tuyên, Đỗ Long Vân, Lê Huy Oanh, Đặng Tiến, Cao Huy Khanh, Đặng Phùng Quân, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Thiện Đạo, Huỳnh Phan Anh và nhiều người khác. Đặc biệt những cuốn như Thơ Đường của Trần Trọng Kim, Đại cương Văn học Trung Quốc của Nguyễn Hiến Lê, Thiền Luận của Suzuki, Tuệ Sỹ và Trúc Thiên dịch, Nhận định của Nguyễn Văn Trung, Ý thức mới trong văn nghệ và triết học của Phạm Công Thiện... thời ấy đã ảnh hưởng đến một lứa học sinh trung học là tôi rất nhiều. *Báo chí văn học* cũng đóng vai trò lớn trong việc phổ biến các tác phẩm mới và các trường phái, quan điểm nghệ thuật. Những tập san tôi đã đọc, hoặc mới, hoặc cũ của các ông anh họ tôi để lại, mà đến nay tôi còn nhớ: *Văn hóa Ngày nay, Văn, Sáng tạo, Phổ thông, Bách khoa, Giữ thơm Quê Mẹ, Hương quê, Văn học, Khởi hành, Đối diện, Trình bày, Thái độ, Thời tập, Tư tưởng, Tuổi ngọc*. Và những tờ báo của địa phương như *Lập trường* ở Huế.

Còn gì nữa không? Chắc là còn, nhưng tôi không thể nào nhớ hết. Văn, Bách khoa, Văn học, Khởi hành, Tuổi ngọc là những món ăn tinh thần hàng ngày.

(Nguyễn Đức Tùng)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cả đời phấn đấu không bằng...cơ cấu một giây.

Những tên biệt kích cầm bút

Thế rồi mọi việc cũng kết thúc cho đến khi chúng tôi bị bắt rồi quy tội trong vụ án “Tuyên truyền phản cách mạng” mà báo chí nhà nước cộng sản đã gọi anh em chúng tôi là “Những tên biệt kích cầm bút” như sau này...

Trong suốt thời gian mấy năm, từ khi ra tù cải tạo năm 1981 đến ngày cùng bị bắt trong vụ án năm 1984, anh Dương Hùng Cường và tôi gặp nhau rất thường, nhất là sau lúc tôi đã liên lạc lại với anh Trần Tam Tiệp. Thỉnh thoảng chúng tôi bàn luận, trao đổi thoáng qua về bài vở gửi sang cho anh Trần Tam Tiệp cùng vài tin tức của những thân hữu đây đó. Tôi đưa anh đọc mấy bài thơ của tôi như *Buổi chiều đi qua Hà nội, Khúc quân ca mới...*

Phụ họa với bài *Nếu chàng Trương Chi đẹp trai* của anh và do anh gợi ý, tôi có viết *Khi chàng Trương Chi phải ra đi* nhưng anh đọc xong nói nhẹ quá, phải cho cái thẳng khốn nạn ấy thật bầm dập ê chề lúc ra khỏi cuộc đời Mỹ Nương chứ không thể nhẹ nhàng và êm thấm như tôi đã viết (nội dung bài tôi giả định những chi tiết dựa vào lời nói tiên báo của cụ Ngô Hùng Diễn trước 1975, đại ý cộng sản sẽ vào đến Sài Gòn và khi vào để dàng thế nào thì khi ra cũng sẽ để dàng y như vậy).

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tình chỉ đẹp khi tình dang dở .
Cưới nhau về tắt thờ càng nhanh.

Thương nhớ mười hai

Có nhiều hôm hai anh em đạp xe lang thang qua từng con phố, rồi tạt vào cái hẻm nhỏ khu ngã ba Ông Tạ hay ngã tư Bảy Hiền và lấy thuốc lá ra hút cùng với những mẩu chuyện vu vơ. Thỉnh thoảng tôi cũng ngồi với anh tại một góc quán cà phê bên đường hay cái quán cóc bình dân xập xệ, chỉ có xì rượu thuốc và đĩa đậu phụng rang, đủ cho hết một hoàng hôn của hai anh em. Nhưng nhiều hơn là vào những buổi chiều tại *Thương nhớ mười hai*.

Anh Dương Hùng Cường gọi chỗ này theo tên một tác phẩm của bác Vũ Bằng, vì ngẫu nhiên trùng hợp với số nhà của nơi mà bác cũng là một trong những người thường hay ghé đến. *Thương nhớ mười hai* thực ra chỉ là căn phố mang **số 12** đường Trương Minh Ký, Phú Nhuận, chỗ giáp ranh với đường Trương Minh Giảng.

Đây là nhà ông Lý Hoàng Phong, một nhà văn kỳ cựu và cũng là người chủ trương tạp chí Văn Nghệ những năm 1961-1962 ở Sài Gòn. Phía trước cửa là cái quán cóc của chị Tâm. Khoảng lề đường bày được bốn năm bộ bàn ghế thấp dưới tàn cây bả đậu. Quán chỉ có tủ thuốc lá lẻ, vài loại nước ngọt chai và quây dừa tươi nơi góc chân bàn, thêm nữa duy nhất cà phê vọt. Nhưng nơi đây lại là chỗ gặp gỡ của nhiều giới, như các nghệ sĩ và mấy ông nhà văn nhà báo thân quen với anh Dương Hùng Cường.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Thành ngữ tục ngữ sai

Trong “Giải nghĩa tục ngữ Việt Nam” của Nguyễn Cừ không phân biệt được quán ngữ với thành ngữ, tục ngữ, v.v.

Gắt như mồm tôm:

mồm tôm để quá kỹ nên có mùi gắt khó chịu, ám chỉ người hay cáu gắt, quát mắng người khác.

Thực ra, *mồm tôm “để quá kỹ” hay không quá kỹ đều rất gắt*, đặc tính mồm tôm là vừa mặn vừa nồng, *ngon mồm nhưng ghét mũi*.

Đã có một thời...

Hà Thượng Nhân

Người bạn là thầy mình

Vâng, đây là điều tôi muốn được trang trải lòng mình về sự “ra đi” của anh Phạm Xuân Ninh, bút hiệu Hà Thượng Nhân. Một người tôi kính trọng như anh mình và cũng là “sếp” của tôi trong một khoảng thời gian ngắn, là bạn đồng ngũ, bạn trong “tù cải tạo”, bạn trong cuộc đời suốt những năm làm báo và viết lách kể cả trong những cuộc chơi “xì còm”, mặt chược nhỏ...

Ở đây tôi không gọi là “thi sĩ” Hà Thượng Nhân, tôi chỉ gọi là “anh”, như tôi và các bạn tôi thường gọi. Tôi cũng không kể lể về con người cùng những đức tính của anh, không chỉ dành cho bè bạn mà hầu như cho tất cả những người đã từng giao thiệp với anh. Tôi cũng chưa phải là “tri kỷ” của anh và tình thân chưa bằng những vị khác đồng trang lứa hoặc có nhiều thời gian gần gũi với anh. Anh hơn tôi 11 tuổi (anh sinh năm 1922, tôi sinh năm 1933), có thể đó là thầy mình. Tự trong đáy sâu trong lòng tôi vẫn mang tình cảm ấy, cho dù bất cứ ở ngoài đời hay sau chấn song sắt. Tôi học được ở anh những điều không có trong sách vở, chỉ có ở trong cuộc sống với bạn bè. Nhìn cách anh sống, anh nói, anh đối nhân xử thế... đó là những điều anh đã dạy cho tôi cho đến hôm nay. Không phải chỉ mình anh mà rất nhiều bạn bè cũng đã dạy cho tôi nhiều điều tương tự như thế.

Nhưng anh là một trường hợp đặc biệt.

(Trường niệm Hà Thượng Nhân – Văn Quang)

Đừng tưởng

Đừng tưởng không nói là cầm

Không nghe là điếc không trông là mù

(Bùi Giáng)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Tưởng nhớ nhà thơ Nam Kỳ Lục tỉnh Trần Tuấn Kiệt



Trần Tuấn Kiệt qua đời vào chiều ngày 8 -10 - 2019, tại Sài Gòn, thọ 80 tuổi. Mồ côi mẹ lúc 8 tuổi nên thuở bé ông sống với bà ngoại tại vùng tản cư ở Đồng Tháp Mười. Năm 1950, lúc 11 tuổi lên Sài Gòn, theo học ở trường Tân Thành với các giáo sư như Tam Ích, Thiên Giang, Bùi Giáng.

Với năng khiếu bẩm sinh, khởi đầu nghiệp cầm bút, thơ xuất hiện trong giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh*. Tam Ích giới thiệu vào làng báo ở Sài Gòn. Từ cuối thập niên 1950 ông đã cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí cho đến Tháng Tư, 1975.

Bút hiệu *Sa Giang* ghép từ quê nhà *Sa Đéc* và Nam Kỳ Lục Tỉnh, vùng đất có nhiều dòng *sông* với Cửa Long Giang. Với thơ ông ký Sa Giang Trần Tuấn Kiệt, với văn ông ghi Trần Tuấn Kiệt

(Vương Trùng Dương)

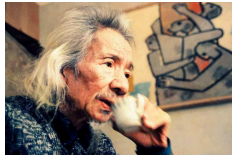
Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Quân tử dẫn đo là quân tử đại

Quân tử ...làm đại là quân tử khôn.

Đường văn ngõ chữ

Nhạc sĩ tài hoa tài phẩm định nhiều loại rượu



Người ta kể nhạc sĩ Văn Cao uống nhiều rượu và phẩm định rất chính xác. Ông thích và thường uống *rượu trắng, rượu “cuốc lủi”*. Ông uống rượu theo kiểu từ từ, từ khi ngủ dậy đến tận quá trưa. Sau ngủ trưa, ông lại uống tiếp. Một ngày ông dùng đến... 1 lít rượu “cuốc lủi”.

Hầu như phố nào có rượu bán, ông đều mua uống. Bởi thế, ông biết vị rượu ở chỗ nào. Một lần, vừa nhấp chén rượu, ông nói ngay: “Cái này ở chỗ *cửa rạp Xiếc* (phố Trần Nhân Tông), *hơi “mông”, uống tạm được*”. Lần khác, khi vừa nhấp một chút, ông nói luôn: “*Cái này men Hà Đông, “gợn” nhưng mà lành*”. Hôm khác, vừa uống một ngụm, nhạc sĩ nói nghiêm: “*Còn một mẫu, mang từ chỗ cụ Xướng, ở 127 phố Nguyễn Khuyến về đây. Êm nhưng mà chết người*”. Khi uống rượu “*bà Béo*” ở phố Bà Triệu, ông nói: “*Rượu “bà Béo” dễ uống*”. Khi uống rượu Tiên Điền, ở phố Nguyễn Du, ông bảo: “*Rượu Tiên Điền nồng, dễ gây chuyện!*”. Lúc uống rượu Thủy Hử, cụ Cả Vạ bán, ở Ngô Sĩ Liên, ông kêu: “*Rượu Thủy Hử, nhạt dần theo năm cụ Cả Vạ qui tiên!*”.

Có lần, cùng bạn văn vào *Bình Định, quê rượu Bàu Đá* nổi tiếng. Nhấp ngụm đầu, Văn Cao đã thốt lên: “*Rượu này dày thật!*”.

Thật là, ông “Nhạc sĩ Quốc ca” uống rượu nào là nhận ra vị của rượu ấy ngay một cách chính xác, rồi khái quát chất vị rượu đó bằng lời gọn ghẽ với *từ ngữ rất khác biệt*.

Dân gian có câu: “Người tài, hay có tật”. Có người thích, có người cười về tật của những người có tật. Thật, khó hiểu và cũng dễ hiểu ý thích, hoặc không thích của người đời với tật của người đời, nhất là tật của những người nổi tiếng, như Văn Cao...

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Kính vợ đắc thọ.

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Trước hết, hãy nghe nhà thơ Xuân Sách tâm sự khi viết tập thơ “*Lên chùa*” sau đổi thành “*Chân dung nhà văn*” :

“Trước đây khi còn là lính ở địa phương, khi tôi được về Hà Nội vào cơ quan văn nghệ quân đội, tôi bắt đầu đi vào cái thế giới mà trước kia tôi mơ ước. Điều tôi nhận ra là, ngoài cái phần tôi hiểu trước đây, thì thế giới nhà văn còn có những chuyện khác.

Đó là cái mặt đời thường, cái mặt rất chúng sinh, và chúng cũng góp phần quan trọng làm nên các tác phẩm và tính cách nhà văn... Khi tôi đã tìm hiểu được những nhà văn, ngoài những tác phẩm mà tôi thường ngưỡng mộ, tôi cứ băn khoăn tự hỏi:

“Sao thế nhỉ, với bề dày tác phẩm như thế, với vị trí trong lòng người đọc như thế, sao họ còn ham muốn những thứ phù phiếm đến thế... *Một chút vụ, một quyền lực, một chuyến đi nước ngoài...* Mà đã ham muốn thì *phải mưu mẹo, phải dối trá và nhất là phải sợ hãi*. Vì vậy chân dung của họ không thể bỏ qua. Hơn nữa, nếu vẽ được chính xác những chân dung đó, thì bộ mặt xã hội thời đại mà họ đang sống cũng qua đó mà hiện lên”

Nhà thơ Xuân Sách kể tiếp:

“Và thế là tôi đặt bút viết *tập thơ “Lên chùa”* hàm ý gập *100 pho tượng tức 100 chân dung ở đó*. Tôi đưa bài thơ cho Nguyễn Khải. Anh đọc xong trên mặt có thoáng chút ngạc nhiên và nghiêm nghị chứ không cười như tôi chờ đợi. Anh bỏ bài thơ vào túi chứ. Đến giờ giải lao chúng tôi ra ngồi cạnh gốc cây sấu già, Nguyễn Khải mới đưa bài thơ cho Hồ Phương. Nguyễn Khải nói như cách số sàng của anh :

- Thăng này (chỉ tôi) ghê quá, không phải trò đùa nữa rồi.

Tôi hơi hoảng, nghĩ rằng đó chỉ là trò chơi chữ thông thường. Sau rồi tôi hiểu ngoài cái nghĩa

thông thường, bài thơ còn chạm vào tính cách và đánh giá nhà văn. Mà đánh giá nhà văn có gì quan trọng hơn *phong cách, và tác phẩm*".

(Nhật Tuấn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Còn thời lên ngựa bắn cung.
Hết thời xuống ngựa lấy thun bắn ruồi

Đường văn ngỗ chữ

Nhà thơ béo

Hai nhà thơ Xuân Diệu và Huy Cận cùng đi bình thơ tại một trường cấp III ở Vĩnh Phú. Hiệu trưởng nhà trường giới thiệu:

– Hôm nay chúng ta rất vinh dự được đón hai nhà thơ lớn của dân tộc.

Nhà thơ Huy Cận liền đứng dậy phát biểu vui:

– Tôi không dám nhận tôi là nhà thơ lớn. Anh Xuân Diệu là nhà thơ...lớn, còn tôi là nhà thơ...béo. .

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Đã không xinh thân kinh còn không ổn
Đã không đẹp còn hạn hẹp tư duy

Chữ nghĩa làng văn

Người ta chỉ biết Nguyễn Công Hoan là một nhà văn có tài, tác giả của rất nhiều truyện ngắn, truyện dài nổi tiếng. Sau này Nguyễn Công Hoan có dịp *viết hồi kí*. Thể loại khác, bút pháp cũng đổi khác. Viết hồi ký Nguyễn Công Hoan hay dùng lối nói đốp chát thẳng thừng, có lúc quen cả "*Tiên học lễ, hậu học văn*".

Diễn hình là một đoạn viết liên quan đến lịch sử nước ta :



- *Khải Định là một thằng vô học*, chỉ chơi bời. Năm 1919, nó đã "ngự giá Bắc tuần". Nó nghĩ ra cách ăn mặc rất ngộ nghĩnh : Vàng từ đầu đến chân. Nón lợp vải vàng, có đính long ly quy phượng bằng vàng. Khăn vàng. Áo màu vàng, thêu kim tuyến, gắn trên đầu gối. Hai vai đeo ngù quan binh Pháp bằng vàng. Thất lưng to bản giát vàng. Ghệt đính vàng. Giày tây da vàng, có gài cái sắt thúc ngựa bằng vàng. Tay đeo bốn chiếc nhẫn vàng mặt đá màu lớn. Ra Hà Nội, nó ngồi cùng xe với toàn quyền Sa-rô. Minh cứ tưởng đồng rơm, không biết là người.

(Tiên học lễ hậu học văn - Nguyễn Dư)

Quốc tử giám

Sử chép "Năm 1070 xây Văn miếu, sai hoàng thái tử tới đó học [...] Năm 1076 Lý Nhân Tông lập *Quốc tử giám sau lưng Văn miếu* làm nơi học tập cho hoàng thái tử". Vì *Quốc tử giám xây ngay sau lưng Văn miếu* nên sự lẫn lộn Văn miếu với "nhà Giám".

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Chinh phụ ngâm bị khảo

Hoàng Xuân Hãn căn cứ vào đâu mà kết luận bản dịch Chinh phụ ngâm hiện lưu hành là của Phan Huy Ích?

Trước hết, ông dựa vào lời đính chính của Phan Huy Chiêm đăng tên báo Nam Phong (số

106, tháng 6, năm 1926), và bản thân ông đã từng tìm tới quê cũ của họ Phan và cũng được các bậc trưởng bối của họ Phan tại đây đọc bản dịch lưu hành và xác nhận là do tổ tiên truyền lại. Tuy nhiên họ không có trong tay bản nôm cổ như ông mong muốn.

Hơn nữa, ông tìm hiểu *bút pháp của Đoàn Thị Điểm thì thấy bà là người mẫu mực trong dịch thuật ưa lối dịch sát văn bản* hay “áp dịch” trong khi *bản Chinh phụ ngâm lưu hành lại theo lối dịch thoát* hay “*phỏng dịch*” là *sở trường của Phan Huy Ích*.

Ngoài ra, học giả họ Hoàng lại tìm ra được một bản dịch Chinh phụ ngâm cổ có ghi chữ nữ giới và dịch rất cẩn thận vì dịch giả sợ bỏ sót nghĩa nên so với nguyên tác 477 vế thì bản dịch này dài hơn nguyên tác, vì có 496 vế. Ông tin rằng *đó chính là dịch pháp của Hồng Hà nữ sĩ*.

Trong khi ấy vì dịch thoát nên bản dịch hiện lưu hành ngắn hơn nguyên tác vì chỉ có 408 vế. Điều này chứng tỏ nó phản ánh bút pháp của họ Phan.

Tuy vậy, *lập luận của giáo sư Hãn cũng mới chỉ là một giả thuyết* về tác giả dịch phẩm Chinh phụ ngâm hiện lưu hành mà thôi chứ *chưa đủ sức thuyết phục* mọi người từ bỏ thành kiến nó là tâm huyết của nữ thi hào nổi danh Đoàn Thị Điểm.

(Chinh phụ ngâm bị khảo – Hoàng Yến Lưu)

Khoa cử

Quan trường do Nho phái xuất thân. Khoa cử kén người hỏi về phép trị nước của đạo Nho / đạo Khổng, trọng "Đức" hơn "Tài", lấy Tứ thư [Đại học, Luận ngữ, Trung dung, Mạnh tử], Ngũ kinh [Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Thi, Kinh Thư và Kinh Xuân thu].

Nước ta bắt đầu có khoa cử từ năm 1075, thời nhà Lý, nhg lúc đầu tổ chức còn sơ sài, sang thời nhà Trần đã chỉnh đốn, cải tổ có phương pháp, dựa theo khoa cử Trung quốc với ít nhiều sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh nước ta.

Khoa cử Việt Nam cực thịnh dưới thời Lê Thánh Tông, sang thời Lê Trung Hưng bắt đầu chú trọng vào từ chương mà sao nhãng phần đạo đức chính yếu, hết tin tưởng vào "đạo Thánh [Khổng]".

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Tranh Hàng Trống



Trong ba dòng tranh dân gian tiêu biểu: tranh điệp Đông Hồ (Bắc Ninh), *tranh đồ Kim Hoàng* (Sơn Tây) tranh Hàng Trống là trung tâm làm tranh lớn thứ hai, chỉ sau Đông Hồ. Gọi là *tranh Hàng Trống* bởi "lò" tranh quy tụ ở phố Hàng Trống, Hà Nội. (phố Hàng Trống)

Từ đây "bắt lửa" sang Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt. Dường như thời sầm uất nhất đã xa. Muốn tìm lại tranh Hàng Trống phải đến chốn linh thiêng: đền, miếu, điện thờ, hoặc lục tìm trong các bộ sưu tập của tư nhân và các viện bảo tàng. Bức tranh Ngũ hổ được coi là lớn và hầu như còn giữ được vẻ đẹp thuần khiết của phong cách tranh Hàng Trống, hiện còn ở chùa làng Kim Liên.

Xưa kia dòng tranh này thuộc tổng Tiêu Túc (sau đổi là Thuận Mỹ), huyện Thọ Xương (nay là quận Hoàn Kiếm, Hà Nội), nhưng chủ yếu là ở Hàng Trống (xưa là thôn Tự Tháp). Phường phố này đã từng có tiếng về các ngành nghề thủ công như tranh dân gian, trống tế trống hội, hòm tráp sơn ta, hàng thêu, quạt, nón, cờ phướn, vông lọng v.v, sầm uất quanh năm.

Chữ mất gà - 1

Tiên sư nhà mày, mày tưởng ngày nào mày cũng rình mò “tiệm cận” hàng rào nhà bà là bà

không biết đấy à? Bà là bà “giả thiết” mày ăn cắp hơn hai chục con gà nhà bà, mày về mày vỗ béo để nhồi “đường cong” cho con vợ mày, à... à... mày về nữa đi, mày tô nữa đi. Mày tô, mày vẽ, mày nhồi cho đến khi “đường cong” của con vợ mày nó nứt toác, nó gãy khúc ra, chọc xiên chọc xẹo đi, rồi đi lên đi xuống nữa vào, rồi có ngày con vợ mày sẽ hạ “vuông góc” một mạch thẳng xuống “góc tù..ù ù ù...”

“Văn hóa” chửi tục ngày nay

Ngày nay ? Nhớ lại một câu chuyện vui của người Hà Nội:

"Hai nhà giáo trò chuyện, bàn về vấn đề giáo dục tuổi trẻ.

Một ông than :

- Hôm nọ đi hóng mát Bờ Hồ, tôi được nghe hai cô nói chuyện : "Đéo mẹ cái thằng ấy, mới quen nhau mà nó cứ nhằng nhặc đòi đit tao!". Bậy bạ đến thế là cùng.

Ông kia chép miệng :

- Bọn trẻ bây giờ mất dạy quá! Tôi rất lo ngại. Luôn miệng nhắc nhở con bé nhà tôi phải ăn nói cho đàng hoàng, lễ phép. Nhưng, nhắc mãi nó vẫn đéo nghe! Đéo dạy được!".

(Nguyễn Dư)

Chửi mất gà - 2

Hôm nay bà chửi một bài,
Ngày mai bà sẽ chửi hai lần liền.
Bà chửi cho mày hóa điên,
Bà rửa suốt tháng liên miên không ngừng.
Bây giờ bà mệt quá chửing,
Bà về cõm nước, nhớ đừng quên a...
Muốn sống thì thả gà ra,
Lạy bà hai lạy, bà tha cho mày...à ý à ý

Giai thoại làng văn xóm chữ

Trong buồng ông áp bà

Nguyễn Công Trứ và những giai thoại nông ‘thấu trời xanh’
Khoảng 10 tuổi, Củng (tên cúng cơm của Nguyễn Công Trứ) theo cha trở về Hà Tĩnh quê nội. Trong làng có ông Đồ Trung tốt bụng, đứng ra mời thầy đồ về nuôi trong nhà để trẻ con của làng tới học, trong đám học trò đó có Củng.

Một hôm, ông Đồ Trung nói: “Ta có câu đối này, trò nào đối hay và nhanh sẽ được thưởng một quan tiền”. Rồi ông ta chỉ về phía cây đại đứng ngoài vườn, đọc về đối:

- Ngoài vườn cây đại nở hoa đại.

Các học trò ngồi nhìn nhau. Thấy lên tiếng giục, chỉ có cậu bé Củng khép nép thưa: “Thưa, con sợ bị quở phạt ạ”.

Thầy ra về rộng lượng: “Trò cứ đối, nếu hay thì ta sẽ thưởng cho. Được lời, Củng nghiêm chỉnh đứng dậy đọc:

- Trong buồng ông Trung áp bà Trung.

Vế đối rất chuẩn, “trong” đối với “ngoài”, “Đại” đối với “Trung”, và “nở” thì đối với “áp” khiến ông Đồ Trung đỏ mặt im lặng và tất nhiên Củng được nhận một quan tiền.

Vần

Vần : một loại chó

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Đi trót: *đi hết*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xĩa: xưng xĩa”

Viết đúng là “sưng sĩa”. Đây là từ ghép: “sưng” = phỏng, phù da thịt lên (như *sưng mắt; sưng phù*), “sĩa” = sưng phù lên (*mặt sưng mà sĩa*).

(Hàng Tuấn Công)

Thành ngữ tục ngữ

Một đồng một cốt

Để hành nghề mê tín dị đoan, các ông đồng bà cốt thường gọi hồn, bắt ma, làm lễ giải hạn để kiếm tiền thiên hạ. Họ dùng nhiều mưu mẹo để lừa dối.

Thành ngữ này để chỉ bọn người chuyên dối trá lừa đảo :

Đà đao lập sẵn chước dùng

Lạ gì một cốt một đồng xưa nay

(Truyện Kiều)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xoa: xít xoa”

Viết đúng là “xuýt xoa” (“xuýt” = phát ra tiếng gió trong miệng; “xoa” = dùng tay mơn nhẹ vết thương hoặc xoa lại với nhau, tỏ vẻ đau đớn, kinh ngạc hay tiếc nuối...).

(Hàng Tuấn Công)

Chữ...đái bậy

Tiên sư tổ bố nhà mày nhá, để ông, để bà dạy cho thằng giá đái bậy biết nhá. Cha năm đời mười đời bố cụ nhà mày nhá, để ông, để bà lấy dao cắt buổi mày, để ông, để bà bỏ thỏm buổi mày vào nồi, đun sôi sùng sục, mày múc ra mâm, mày ăn ngấm ngấm cho tới tam đại, tứ đại nhà mày nhá! Tiên sư tổ bố thằng già đái bậy.

(Vô danh thị)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

Chúng tôi tiếp tục dẫn ra những ví dụ sai chính tả của cuốn “Từ điển chính tả tiếng Việt” GS-TS Hà Quang Năng chủ biên - ThS Hà Thị Quế Hương; Đại học Quốc gia Hà Nội).

“Reo: reo rắc”

Viết đúng là “gieo rắc” - từ ghép: “gieo” đồng nghĩa với “gieo” trong “*gieo hạt*” và +rắc” trong “rắc hạt”

(Hàng Tuấn Công)

Cóc chết ba năm lại quay đầu về núi

Trong *Từ điển thành ngữ Việt Nam* có câu “cóc ba năm lại quay đầu về núi”. Hình thức gốc của câu này là “*cáo chết ba năm quay đầu về núi*” như ai nấy đều biết. Đâu có thể nào tự tiện đổi “*cáo*” thành “*cóc*” được, vì nếu có thể hoán vị một cách tùy tiện như thế thì biết đâu sẽ chẳng có người hứng chí viết “*con cáo là cậu ông trời*” để làm một cuộc đổi đời vì xưa nay ai cũng biết rằng cậu của ông trời là...con cóc.

Rất có thể là thợ nhà in chơi khăm các nhà biên soạn *Từ điển thành ngữ Việt Nam* nên mới xếp sai “*cáo*” thành “*cóc*” chẳng!

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

Tác phẩm của TỰ LỰC VĂN ĐOÀN



Tú Mỡ

Dòng nước ngược, (tập 1 Đời Nay, Hà Nội, 1934), tập 2 Đời Nay, Hà Nội, 1941).

Đòn bút (1962)

Ông và cháu (tập thơ thiếu nhi, 1970)

Thơ Tú Mỡ (tập thơ tuyển, 1971)

Diễn ca, chèo, tuồng

Rồng nan xuống nước (tuồng, 1942)

Tám Cám (chèo, 1955)

Nhà sư giết giặc (chèo, 1955)

(TỰ LỰC VĂN ĐOÀN chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Ước gì môi em là đít bút

Anh ngồi học bài cắn đít bút hun em

(Jap Tiên sinh)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Vì đã có sự vận động với quốc tế từ trước, nên ban vận động Bút Việt đã được mời tham dự ngay Đại hội Văn bút Quốc tế lần thứ 29 họp tại Đông Kinh, Nhật Bản, từ ngày 1 đến 9 tháng 9-1957. Phái đoàn Việt Nam gồm có Đỗ Đức Thu, Đái Đức Tuấn, Phạm Việt Tuyên, Hoàng Định Lượng và Hiếu Chân Nguyễn Hoạch. Tham dự hội nghị này có 350 nhà văn, nhà thơ, ký giả đại diện cho 27 quốc gia trên thế giới.

Trong phiên họp ngày 2 tháng 9 năm 1957 tại Đông Kinh, Đại hội Văn bút Quốc tế đã chính thức thu nhận hội viên mới: Nhóm Bút Việt của VNCH. Khi ở Đông Kinh về, các đại biểu đã triệu tập một phiên họp vào cuối tháng 10-1957 để tường trình công việc.

Qua tháng 11-1957, tại trụ sở tạm thời của nhóm ở số 69 đường Cao Thắng Sài Gòn, ban vận động từ chức vì xong nhiệm vụ.

Ban chấp hành lâm thời được bầu ra gồm 5 vị:

Chủ tịch: Đỗ Đức Thu.

Phó Chủ tịch: Vương Hồng Sển và Vi Huyền Đắc.

Tổng Thư Ký: Hiếu Chân Nguyễn Hoạt.

Thủ Quỹ: Bùi Xuân Uyên.

Nhiệm vụ của ban chấp hành lâm thời là thiết lập trụ sở, xúc tiến thủ tục hành chính xin thành lập nhóm, thiết lập thư viện, phát triển hội viên, cho đại hội toàn quốc và xuất bản tờ Kỷ yếu.

Ngày 21 tháng 10 năm 1957 Nhóm được cấp giấy phép hoạt động ở trụ sở số 25 Võ Tánh Sài Gòn (đây chỉ là địa chỉ mượn của báo Tự Do để làm giấy tờ), do 3 vị đứng tên là Đỗ Đức Thu, Vương Hồng Sển và Nguyễn Hoạt.



Như thế, nhóm Bút Việt đã được hình thành từ ngày 2-9-1957 trên phương diện quốc tế và ngày 21-10-1957 là trên phương diện hành chính ở trong nước.

(Trụ sở ở 157 Phan Đình Phùng Sài Gòn)

Khoảng năm 1957, nhóm Bút Việt dời về trụ sở mới ở số 157 đường Phan Đình Phùng. Tới năm 1959 nhóm lại dời về trụ sở số 36/59 Cô Bắc và ở đây cho tới năm 1971 mới lại dọn về số 107 Đoàn Thị Điểm Sài Gòn.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Khôn ba năm dại một giờ.

Biết vậy dại sớm khởi chờ...ba năm.

165 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Năm 1995, bạn Phan Cao Phái nhận đứng [làm chủ], *Việt hóa 2 cơ sở* của Pháp là nhà sách *Portail* và nhà in *Imprimerie d' Extrême Orient* (I.F.O.M, đã ủy tôi đổi lại tên Việt, tôi **đặt tên: nhà sách Xuân Thu** (thời đại văn học cực thịnh của Tàu) và, nhà in Kim Lai). Và, tôi dùng một gian bên trái nhà sách xuân Thu, để bán toàn sách Việt **ngữ**.

Ở đây, một hôm, tôi (**Phùng Tất Đắc**) gặp một người, trạc ngoài 30, vẻ mặt cởi mở, nói năng lễ độ, dáng dấp chững chạc, đến tìm mấy cuốn sách hiếm. Tôi có thiện cảm ngay. Sau đó, hỏi thăm, mới hay khách là ông Thái Văn Kiểm. Quê ông, vốn ở làng **Bao La**, phủ Quảng Điền, học trường Quốc học., Khải định, rồi được bổ làm tham tá tòa khâm [sứ]. Năm 1952, tỉnh trưởng Khánh hòa, rồi tỉnh trưởng Ninh thuận. Sau 1954, được chuyển sang bộ giáo dục, rồi qua bộ ngoại giao, được bổ nhiệm ở Tunis, Dakar, Zaire. Sau, trở lại Pháp, làm thư viện **trường cao đẳng Kiến Trúc**. Năm 1987 về hưu, một đời công chức nhiều biến chuyển, rất thuận lợi cho một người hiếu học và viết sách biên khảo...

Năm 1965, giải nhất. về nghiên cứu cho cuốn Đất Việt, trời Nam. Năm 1957, giải Cosmos cho cuốn *Ay pays du Ne1nuphar* (Montreal- Canada). Năm 1981, luận án tiến sĩ về từ ngữ Việt nam. Năm 1991, ông được đón vào viện Hàn lâm khoa học Pháp quốc, với tư cách là hội viên liên kết. Ông dùng nhiều bút danh, riêng tôi quí cái bút danh **Bao La cư sĩ**.

Nếu chỉ thấy 2 chữ **Bao La**, tên quê hương, có thể cho là khiêm trang, là tự phụ. Nhưng, cái bao la về kiến thức, được lồng vào chữ đồng nội của quê hương nước nhà, còn gì mền yêu hơn.

(Nhớ nơi kỳ ngộ: Thái Văn Kiểm - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ai mua tui bán cây...si,
Si tui tốt giống cành chi chít cành.
Hễ si mà gặp đất lành,
Là si phát triển trở thành ..siđã.

Vũ Bằng - 1

Tôi luôn giữ một khoảng cách với những thân hữu của anh vẫn lui tới nơi đây và thỉnh thoảng chỉ chuyện trò, gần gũi bác Vũ Bằng mà tôi biết là một trong số những người anh Dương Hùng Cường đã giới thiệu với anh Trần Tam Tiệp.

Bác thật xuề xòa bình dân và dễ tính. Thỉnh thoảng bác Vũ Bằng hay rủ anh Dương Hùng Cường và tôi đi ăn chỗ này chỗ nọ, như tại cái quán cháo cá ở chợ cũ, một tô *phở xe trong xóm nhỏ xứ đạo An Lạc*...mỗi lần rùng rình tí tiền sau khi nhận được món quà thuốc tây của anh Trần Tam Tiệp bên Pháp gửi về.

Một hôm, chợt nhớ đến *Miếng ngon Hà Nội* và *Miếng lạ miền Nam*, tôi hỏi bác về việc cảm nhận sự ngon trong ăn uống thì bác cười và nói văn chương chữ nghĩa chỉ luận tả hoa lá cành cho vui thôi, thực ra phải vào cơn đói trong cảnh tù đầy như bọn tôi thì mới cảm nghiệm được hết ý nghĩa của từng miếng ăn thức uống.

Đúng vào thời điểm bọn an ninh đã bắt đầu theo dõi rồi liên tục bám sát tôi từng ngày, nên dù có biết tin mà vẫn không dám đến viếng bác cũng như dự tang lễ. Nơi đăng cáo phó nhỏ ở trang cuối một tờ báo tại thành phố khi đó, chỉ thấy ghi sơ sài vắn tắt vài dòng về năm sinh và ngày mất của bác vậy thôi. Trong bản cáo trạng ở một lần chuẩn bị đưa vụ án “Tuyên truyền phản cách mạng” của mấy anh em chúng tôi ra tòa rồi sau đó đình xử, *chính quyền cộng sản thật lố bịch khi vẫn để tên bác Vũ Bằng trong danh sách các bị cáo*, nhưng trơ trẽn và giả dối *nói rằng đã cho bác được cải tạo tại địa phương vì tuổi già sức yếu*.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ trọc là sư..
Cứ vâng là chịu cứ ừ là ngoan
(Bùi Giáng)

Vũ Bằng - 2

Bác Vũ Bằng từ trần vào khoảng đầu tháng Tư năm 1984. Một nhà văn nhà báo lẫy lừng từ thời 1930-1940, với nhiều tác phẩm ghi đậm dấu cho từng thời kỳ văn học và trường phái văn chương Việt Nam, lúc chết thật cô đơn âm thầm lặng lẽ quá.

Sau này khi ra tù tôi có sang tìm nhà bác ở bên kia bờ sông Sài Gòn, trên đoạn đường Trình Minh Thế cũ, gần đến cầu Tân Thuận, để thắp một nén tâm hương, nhưng vì không còn nhớ chính xác được địa chỉ và dọc con đường này đã chỉnh trang sửa chữa làm thay đổi hết tất cả, chẳng còn nhận ra các dấu vết cũ nên đành tạ lỗi với vong linh bác Vũ Bằng...

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngày xưa giám thị cũng đi thi .
Cũng cóp cũng quay chẳng kém chi.

Mà nay giám thị lại trông chặt .
Chẳng để em xem một tí gì...

Vũ Bằng - 3

Vậy mà bây giờ tôi (Vũ Bằng) đói cơm đói thuốc, đành chôn sống thân mình ở ngoại ô, trong một túp lều tối tăm rầu rĩ không được mặt trời soi đến... Tất cả lời lãi của cuộc đời hỉ xả của tôi đến bây giờ rút lại chỉ còn lại một cái bàn đèn thuốc phiện và mấy chồng báo nát. Còn đến tiền thì tuyệt nhiên không có đồng nào; ăn bữa sớm lo bữa mai, một đũa ở cũng không có để sai đi mua thuốc.

Tôi nằm chôn ở đây đợi một cái gì không đến. Tôi đợi một sự may mắn xui cho tôi có ít tiền để tôi cai thuốc phiện đi, tôi sẽ cố sức, một lần chót, viết một tác phẩm cuối cùng, một tác phẩm mà tôi chắc sẽ hơn hết cả một trăm cuốn sách tôi đã viết, có lẽ hơn hết cả những tác phẩm từ trước đến bây giờ. Nhưng có lẽ đó chỉ là một huyền mộng của một người không may trên đời.

Ngày mai, chỉ ngày mai thôi, tôi sẽ chết. Tôi chắc lúc chết mặt tôi sẽ còn mở, cho nên tôi không muốn anh nhìn tôi làm gì. Tôi sẽ "đi" một mình, không có ai vuốt mắt cho cả, nhưng tôi sẽ sung sướng vì tôi tin rằng đời này là tạm bợ, những người muốn thực tâm làm được sự nghiệp to tát cần phải chịu sự thử thách kiếp này để thắng kiếp sau.

(Vũ Bằng) *

* Tên thật: Vũ Đăng Bằng. Bút hiệu: Tiêu Liêu, Vũ Tường. Sinh ngày 3.6.1913 tại Hà Nội. Mất ngày 7.4.1984 tại Sài Gòn.

Tác phẩm: Miếng ngon Hà Nội (bút ký, 1960), Thương nhớ mười hai (hồi ký, 1972), Bốn mươi năm nói láo (hồi ký, 1969).

Đừng tưởng

Đừng tưởng có của đã sang..
Cứ im lặng tưởng là vàng nguyên cây
(Bùi Giáng)

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Vũ Bằng đã làm cho bao nhiêu thanh niên phải thảm thương trộm nhớ miền Bắc, như một người phụ nữ dịu dàng không quen biết, người chị, người mẹ, người yêu, những món ăn chỉ nghe tên mà không biết là món gì, ngọn đèn dầu, hoa xoan, mưa bụi liêu riêu mà chẳng bao giờ thấy chúng ra sao. Như vậy có một khuynh hướng *văn chương hoài niệm* tiêu biểu là Vũ Bằng trong văn học miền Nam, và những người khác nữa như Doãn Quốc Sỹ, Duyên Anh. Khuynh hướng này tiếp tục được sau này trong *văn học hải ngoại*. Cũng phải thôi. Xa quê, dù là từ Bắc vào Nam hay từ bên này qua bên kia biển Đông, ai cũng thương nhớ khôn nguôi. Nguyễn Đình Toàn viết trong "Áo mơ phai" (1972)

Tuy nhiên, hoài niệm không phải là dòng chủ lưu. Tôi nhận thấy một số tác giả trước đây viết về văn học miền Nam hoặc hiện nay viết về văn học hải ngoại nhấn mạnh có phần quá đáng đến tính chất hoài hương. Cuộc sống bao giờ cũng mới, mỗi ngày, nên ngoài những hoài niệm, vốn hết sức đáng trân trọng, người xa quê hương, xa nước, kẻ lưu vong, kẻ di dân, còn biết bao tình cảm và suy tư khác trong cuộc sống mới, dằn vặt, sâu sắc, phong phú, băng khuâng. Và không dễ mà khẳng định, vui ít buồn nhiều.

(Nguyễn Đức Tùng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Con cò đi uống rượu đêm.
Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao.

Còn anh chả uống ngụm nào.
Cũng say ngây ngất ngã vào lòng em .

Đã có một thời...

Hà Thượng Nhân

Một điều cần nói rõ, không phải ai là “sếp” cũng được cấp dưới kính trọng, đôi khi còn ngược lại. Làm “sếp” mà không có cái tâm, không có cái tình, chỉ có cái “uy”, không có cái “ân” thì khó có cấp dưới nào kính trọng. Một anh cấp dưới kính trọng một cấp trên chỉ lấy “uy”, lấy “quyền” ra chỉ huy, hò hét thì anh cấp dưới đó xứng đáng được gọi là kẻ “nịnh thần”. Kẻ dám nói thẳng nói thật mới đúng là cấp dưới đáng kính trọng. Con người nào cũng bình đẳng như nhau, khác nhau chỉ ở chỗ có được kính trọng hay không mà thôi, là chân lý không thể thay đổi. Nhưng ở đây tôi không dám dài dòng về chuyện này.

Tôi chỉ muốn chứng minh rằng tại sao anh Phạm Xuân Ninh được hầu hết các cấp dưới của anh kính trọng, chính vì nhân cách lớn của anh. Nhân cách ấy thể hiện ngay trong lối sống hàng ngày, lối giao thiệp, tiếp xúc với mọi người quanh mình và ngay với thuộc cấp. Anh không là quân nhân chuyên nghiệp, không là sĩ quan học trường võ bị ra, nhưng anh lại là một người lãnh đạo rất giỏi, anh nói gì ai cũng nghe, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ.

Làm việc với anh Ninh cứ như trong một gia đình, chẳng phải lo nghĩ gì đến cái lưới kỷ luật lúc nào cũng sẵn sàng úp chụp lên đầu. Đó là lý do tại sao khi anh ra đi, chỉ có lòng thương tiếc.

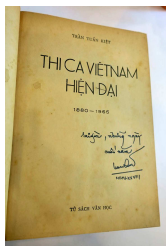
(Trường niệm Hà Thượng Nhân – Văn Quang)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Ăn quen, nhịn không quen

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Tưởng nhớ nhà thơ Nam kỳ lục tỉnh Trần Tuấn Kiệt - 1



(Quyển “Thi Ca Việt Nam Hiện Đại, 1880-1965” của Trần Tuấn Kiệt - Hình: quansachmuathu.vn)

Cuộc đời Trần Tuấn Kiệt sống chết với nghiệp cầm bút nhưng số phận không thoát khỏi lao tù.

Năm 1970, Trần Tuấn Kiệt được giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật. Vài nguồn tin cho rằng ông bị kẻ khác đổ kị đã kích “trao thân làm trốn lính.” Năm 1971 khi ông đang ở tù, với mức án 10 năm lao công đào binh vì không chịu đi lính, vợ ông cùng với họa sĩ Nghiêu Đề xin chữ ký của 100 vị nhân sĩ, trong đó *người đứng đầu ký tên Bản Kiến Nghị do Linh Mục Thanh Lãng* (chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam 1963-1975), ông đã được tổng thống Thiệu ân xá còn một năm tù treo và được cho về nhà vào ngày 30 Tết năm 1971.

Sau 1975, ông cũng bị đi tù cải tạo gần 10 năm, ở trại giam Phan Đăng Lưu, Chí Hòa, rồi đổi lên trại tù Gia Trung ở Gia Lai, Kon Tum đến tháng 10, 1985, mới được về.

Sách vở của ông rất nhiều nhưng ông đã đốt vào thời điểm tháng 4, 1975, nên thơ và truyện của ông trước kia, hiện nay rất khó tìm. Ông chia sẻ: “Lúc tôi đi tù gần 10 năm ở trại Gia Trung về ở nhà, các bạn thường giúp đỡ: *Trần Lam Giang*, Đào Trường Phúc... gọi về.” Bản án dành cho ông 10 năm tù Chí Hòa đến Gia Lai thật là phi lý, đó cũng là thảm kịch cho văn nghệ sĩ miền Nam trước năm 1975.

(Vương Trùng Dương)

Chữ là nghĩa

Bướm rừng sờ cái là bay
Bướm nhà sờ cái lăn quay ra giường

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Tưởng nhớ nhà thơ Nam kỳ lục tỉnh Trần Tuấn Kiệt - 2

Trần Tuấn Kiệt sống rất giản dị, đầu tóc rối bù, ăn mặc xuềnh xoàng. Tuy sống thật nhiều, sống với nghề cầm bút nhưng vẫn nghèo. Cư ngụ căn nhà trong hẻm, vợ bán bắp nướng và chuối chiên để nuôi cả gia đình. Khi được giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật năm 1970 với số tiền khá lớn nhưng bản tính hào sảng, có cơ hội chén tạc chén thù với bạn bè.

Ông đích thực là chàng lãng tử sống với thơ, văn, suốt một đời. Thích đá gà và cũng là đệ tử của Lưu Linh. Về chuyện đá gà, Trần Tuấn Kiệt viết lại: “Khi không có đề tài gì cho mục Nói Chuyện Với Đầu Gối thì Chu Tử thường đem tôi ra làm đề tài. Cho nên mới có chuyện Trần Tuấn Kiệt nổi tiếng nhất nước là đá gà, còn người thật thú nhì mới đến Nguyễn Cao Kỳ. Sở dĩ có chuyện đó là vì mỗi chiều thứ bảy đi đá gà về, tôi đều mua mấy con gà chết trận về cho bà xã nấu cà-ri đãi anh em. Nhằm lúc không có gà chết mà bạn bè tới nhà đông quá, *tôi làm luôn con gà cưng nhất của mình đãi anh em nhậu...*”.

(Vương Trùng Dương)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Chiều chiều ra đứng ngõ sau.
Thấy em yếu điệu cầm dao...mổ gà.
Con gà em cắt làm ba.
Trời ơi có phải em là....em không??

Đường văn ngõ chữ

Trần Đăng Khoa có... hai vợ

Khi làm thủ tục nhập học trường viết văn Gorki, nhà thơ Trần Đăng Khoa phải làm một bản tự khai lý lịch có hai câu hỏi:

- Sang Liên Xô lần thứ mấy?
- Đã có vợ chưa...

Lúc ấy, nhà thơ đã sang Liên Xô 2 lần và vẫn là trai chưa vợ, nhưng có lẽ đăng trí nên Trần Đăng Khoa đã ghi:

- Sang Liên Xô: 0
- Đã có vợ chưa: 2...

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Hoa chanh nở giữa vườn chanh.
Còn em hoa súng thì đành ở ...ao

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Năm 1992, vào dịp lần đầu tiên xuất bản tập thơ ông phát biểu :

“Nói về đồng nghiệp cũng là nói về mình. Cái hay cái dở của một người cũng là của một thời. Câu thơ *Từ thuà tóc xanh đi vỡ đất. Đến bạc đầu sỏi đá chưa thành cơm* đâu chỉ là số phận của một nhà thơ. Hơn ai hết, tôi nghĩ, nhà văn là đại diện của một thời, là lương tri của thời đại. Đã đành là khó ai vượt được thời đại mình đang sống, không dễ nói hết, nói công khai

những điều suy nghĩ. Nhưng cũng thật đau lòng và xấu hổ khi những nhà văn bán rẻ lương tâm, còng lưng quỳ gối trước quyền uy, mê muội vì danh lợi. Có lẽ đó là động cơ thúc đẩy tôi viết, nếu có nói quá cũng dễ hiểu. Cái con quỷ ám nếu có thì cũng là ảnh hưởng những cảm xúc ấy, nỗi đau chung ấy. Tiếng cười nhiều khi xuất phát từ nỗi đau! Những bài thơ chân dung đã có cuộc sống riêng của nó”



Ông tên thật là Ngô Xuân Sách, sinh ngày 4-7-1932 tại Trường Giang, Nông Cống, Thanh Hoá. Năm 1960, ông bắt đầu công tác tại tạp chí Văn nghệ Quân đội. Năm 1987, ông chuyển vào làm chủ tịch Hội Văn nghệ Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đầu năm 2008, nhà thơ Xuân Sách chuyển ra Hà Nội sống với con gái để có điều kiện chữa bệnh suy gan và suy thận. Thế nhưng, do tuổi cao sức yếu, sau mấy ngày nằm ở bệnh viện, khuya ngày 2-6 nhà thơ Xuân Sách đã lặng lẽ từ biệt cõi đời .

(Nhật Tuấn)

Điện Càn Nguyên

1010 - Năm Canh Tuất thời nhà Lý, Lý Thái Tổ đóng đô ở Thăng Long, dựng điện Càn Nguyên trên núi Nùng (1), cũng gọi là núi Long Đỗ làm nơi coi châu, phía trước là Long Trì (thềm rồng) cao 9 bậc, tả hữu có hai con rồng dài trên một trượng.

Bên tả điện Càn Nguyên là điện Tập Hiền, bên hữu là điện Giảng Võ, mở cửa Phi Long thông sang cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phụng thông sang cung Uy Viễn, chính hướng Nam là điện Cao minh, đều gọi là "Thềm rồng". Bên trong Thềm Rồng có mái cong, hang hiên bao quanh bốn mặt.

Dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi nghỉ ngơi của vua. Bên tả làm điện Phật Quang, bên hữu làm điện Nguyệt Minh , đằng sau dựng hai cung Thúy Hoa và Long Thụy làm chỗ ở cho cung tần. Dựng thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa : phía Đông là cửa Tường Phù, phía Tây là cửa Quảng Phúc, phía Nam là cửa Đại Hưng, phía Bắc là cửa Diệu Đức.

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

(1) *Núi Nùng là một gò đất đắp từ thời Lý*, cao 5 thước, tứ bề vuông vức Theo phong thủy trong ruột núi có cái lỗ gọi là Long Đỗ

(2) *Long Đỗ* - Theo truyền thuyết, Cao Biền đắp La Thành, thấy một người trong đám mây ngũ sắc có ý muốn trấn áp. Đêm nằm mơ thấy người ấy xưng là thần Long Đỗ. Cao Biền đem búa đồng chôn để yểm, đêm sau mưa gió, sáng dậy thấy búa đồng bị đánh tan thành cát bụi. Biền sợ, lập đền thờ thần Long Đỗ.

Chữ nghĩa làng văn

Tục thờ thành hoàng có từ đời Tam Quốc. *Thành hoàng* với từ *thành* chỉ *thành quách*, *hoàng* là *cái hào bao quanh thành*, ghép lại một từ "thành hoàng" để chỉ vị thần coi giữ cho cái thành.

Vì vậy thành hoàng gốc gác ở bên Tàu. Ở bên ta việc thờ *thần hoàng* được ghi chép khi vua Lý Thái Tổ dời đô, mộng thấy một cụ đầu bạc phảng phất trước bệ rồng...Sau khi hỏi rõ lai lịch là "thần" sông Tô Lịch, vua phong làm Quốc đô Thăng Long *thần hoàng*.

Đình thờ thần hoàng, miếu thờ thổ thần. Nhưng cũng có miếu thờ thần hoàng, như miếu làng Ngọc Động, Ninh Bình thờ *thần hoàng là ông ắn mây*. Ngày hiện hóa của thần hoàng, làng mở hội, nghinh rước "thần hoàng" là...cái bị và cái gậy từ miếu về đình. Tế lễ xong, lại rước cái gậy, cái bị về miếu yên vị

Điện Thiên An

1230 - Năm Canh Dần, thời nhà Trần, trong thành Thăng Long dựng cung điện, lầu các. Phía Đông và Tây làm hành lang giải vũ, bên tả là cung Thánh Từ (chỗ ở của Thượng hoàng), bên hữu đặt cung Quan triều (nơi vua ở). Hai bên tả hữu Long trì đặt lầu chuông đối nhau để nhân dân ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông. Bốn chung quanh Long trì đều có hành lang giải vũ để các quan hội họp và 6 quân Túc vệ (Cấm quân).

Đầu thế kỷ 12, bốn bề sân rồng có hành lang, nhà Giải vũ, và lầu gác. Sân rồng chính điện là nơi vua thiết triều, đôi khi thiết tiệc trong dịp lễ long trọng, hoặc lễ tuyên thệ cho các quan, tổ chức Hội Phật, đấu hổ, đấu voi, chọi gà, đá cầu.

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Tranh Hàng Trống

Khác với tranh Đông Hồ, kỹ thuật tranh Hàng Trống kết hợp đường nét in đen từ bản khắc gỗ, với việc tô màu phẩm bằng tay, dùng bút mềm quét phẩm nước, luôn luôn tạo được những chuyển sắc đậm nhạt tinh tế. Nhờ vậy, màu sắc rất uyển chuyển, đáp ứng đòi hỏi của khách mua tranh nơi kẻ chợ.

Các đề tài phản ánh minh họa cổ tích, tranh Hàng Trống nổi trội về tranh thờ, ảnh hưởng Phật giáo và Đạo giáo, với hình tượng tương đối giản dị mà thể hiện công phu, không bao giờ thiếu sắc thái uy về ý nghĩa.



(tranh Ngũ Hổ ở chùa Kim Liên)

Việc xuất hiện những tranh Hàng Trống như Bạch hổ, Hắc hổ, Ngũ hổ, Đức thánh trần, Bà chúa Liễu, Tướng Trấn môn ("Canh cửa") tại kinh đô, từ nội phủ cung đình đến nhà thường dân, từng được Hoàng Sĩ Khải, một nhà thơ làm quan thời Mạc (cuối tk.16) nhắc tới. Như vậy, tranh Hàng Trống có lẽ ra đời cùng thời với tranh Đông Hồ, vốn được dòng họ Nguyễn Đăng sản xuất truyền tới hai mươi đời, tức khoảng 500 năm.

Thành ngữ tục ngữ sai

Cây sát lá, cá tróc vảy

Kinh nghiệm cây cảnh sát lá mới ra hoa, cá tróc vảy mới sạch.

Câu này Nguyễn Cừ đã đoán sai hoàn toàn so với ý dân gian muốn nói. "Cây sát lá, cá tróc vảy" (Dị bản: *Cây chạm lá, cá chạm vảy*) là hai điều bất lợi đối với cây trồng, vật nuôi. Bởi cây quang hợp bằng lá, hút dinh dưỡng bằng bộ rễ. Nếu cây luôn bị động chạm đến lá, dập gãy lá sẽ còi cọc, không sinh trưởng được.

Vảy cá giống như bộ da, cá bị tróc vảy chậm lớn, dễ sinh bệnh tật. Bởi vậy, còn có dị bản: "Cây chọn mất lá, cá chọn mất vảy", cây giống lựa chọn, nâng lên đặt xuống nhiều lá sẽ bị dập gãy, không tốt; cá giống lựa chọn, bắt lên, bỏ xuống nhiều sẽ bị tróc vảy, dễ chết sau khi thả xuống ao.

(Hoàng Tuấn Công)

Chùa cổ Bà Đá

Ở Hà Nội có ngôi chùa cổ có tên tự: Linh Quang tự, Sùng Khánh tự, ở số 3 phố Nhà Thờ, gần hồ Hoàn Kiếm. Chùa Bà Đá được xây năm 1056 dưới đời Lý Thánh Tông.



Chùa nằm trên một con phố nhỏ và dài chỉ vài trăm mét. Trước kia trong chùa có tượng Phát Lâm (tượng có nụ cười yêu đời) được coi là một trong tứ khí của Hà Nội.

Tương truyền khi đào đất đắp thành Thăng Long vào đời vua Lê Thánh Tông (1460 -1497) ở thì phát hiện được một pho tượng bằng đá hình dáng một phụ nữ. Dân chúng cho là thánh mẫu nên đã lập đền thờ ngay tại nơi đào được tượng và gọi là đền Bà Đá.

(Mai KimThành)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Con trâu già - 1

Năm 1902, Thành Thái tuần du tới cầu *sông Cái* Long Biên Hà Nội mà người Pháp đặt tên là Pôn- Duyme, dự lễ trấn yểm.

Cụ Tam Nguyên Yên Đổ mặc dù đã rời quan trường từ mùa thi 1892; cụ cũng được triệu về HN bái yết nhà vua và dự lễ. Tất cả các quan khi bái yết nhà vua đều phải tuân theo nghi lễ của triều đình, nghĩa là phải quỳ lạy, đến lượt cụ Tam Nguyên thật trố trêu cho cụ bởi bà chánh phi của Thành Thái là con gái TS Nguyễn Trọng Hợp *trước đây đã đính ước với con trai cả của cụ* là Nguyễn Hoan, sau vì 1 lý do nào đó nên không thành. Nay nếu buộc phải thực hiện nghi lễ, nhưng nếu lễ vua mà không lễ vợ vua là không ổn, mà lễ vợ vua hóa ra cụ phải lễ con dâu trượng phu của mình, sẽ là trò cười nên theo sĩ khí của nho sĩ Bắc Hà, cụ bái yết nhà vua và chỉ vái 2 cái.

Có lẽ vua biết uẩn khúc này nên chỉ quở trách nhẹ, còn cụ Tam Nguyên thưa:

- Muôn tâu, thần giờ chỉ như 1 con trâu già, xin đức khâm thượng khai ân! Nhà vua mỉm cười. Song, vì biết tài ứng khẩu thành thi của cụ nên truyền:
- Vậy Khanh làm bài thơ “Vịnh trâu già”, nếu hay trăm miễn tội.

Cụ ung dung đọc bài thơ theo Đường luật thất ngôn bát, cú “Vịnh trâu già” như sau:

Một năm xương khô một năm da,
Bao nhiêu các ách đã từng qua.
Đuôi khom biếng vấy Điền Đan hỏa,
Tai nặng buồn nghe Ninh Tử Ca.
Sớm thả Vườn Đào chơi đủng đỉnh,
Tối về thôn Hạnh thờ nghi nga.
Có người toan giết tô chuồng mới,
Ờn đức vua Tề lại được tha.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

lạc quyên 勒捐

Soạn giả cắt nghĩa rằng, lạc= vui mừng, quyên = giúp người. và lạc quyên là yêu cầu những người có lòng tốt bỏ ra tiền, gạo, quần áo... để giúp những người bị tai nạn như thiên tai, dịch họa.

Ông chỉ hiểu nghĩa của từ lạc quyên qua cách sử dụng từ này nhưng không biết nghĩa của các từ tố, đặc biệt là dựa vào âm lạc để đoán ra nghĩa vui mừng.

Thực ra, từ này nguyên là *lạc* quyên 勒捐 trong đó, từ tố “*lạc*” có nghĩa gốc là *cái dằm để chằng đầu và mồm ngựa*, và có nghĩa bóng là gò ép, ép buộc; từ tố quyên có nghĩa là đóng góp. Như vậy, lạc quyên (*ta gọi là lạc quyên*) nghĩa là yêu cầu đóng góp tiền bạc, của cải... để làm một việc nào đó.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Con trâu già - 2

Bài thơ “xuất khẩu” trên quả là tài tình hiếm có, rất đúng niêm luật, sát đầu đề dù đó là đề tài khó. Hay hơn ở chỗ cụ đã ví mình, một vị quan lại không còn mẫn cán với triều đình như xưa, nay chỉ như một con trâu già, trâu phế canh không còn công dụng gì với nhà nông nữa. Bởi nay chỉ còn có da bọc xương do cả đời kéo cày mắc ách, làm lụng vất vả, ăn giả làm thật như trong “Lục súc tranh công” đã tả đó là 2 câu mở đầu.

Đến câu 3-4, cụ dùng điển tích Tàu để mở rộng ý rằng con trâu còn có công với nước. Đó là chuyện Điền Đan thời Chiến quốc, một tướng nước Tề khi bị nước Yên sang đánh chỉ còn có 1 thành. Điền Đan dụng mưu dùng mỗi rơm có tấm dầu buộc vào đuôi trâu, mài sừng sắc nhọn hoặc gắn kiếm sắc vào sừng, đốt lửa cho trâu sợ xông vào quân Yên. Quân Yên sợ bỏ chạy, nước Tề được phục quốc ~> Nếu không có trận hỏa công đó chắc chắn nước Tề bị tiêu diệt.

Hoặc Ninh Tử chính là Ninh Thích khi chưa làm quan, có tài nhưng không ai biết đến. Ông làm nghề chăn trâu, thường gõ sừng trâu để hát, nói lên chí lớn của mình, để sau đó Quản Trọng dùng làm tướng nước Tề.

Hai câu 5-6 của bài thơ có từ Vườn Đào, thôn Hạnh xuất xứ từ chuyện Vũ Vương đánh Trụ đã dùng trâu để vận chuyển rất đặc lực. Sau khi diệt Trụ, ông đã ra lệnh 3 năm cấm giết trâu, buổi sớm cho chăn ở Vườn Đào, tối về cho nghỉ ở thôn Hạnh Hoa, 1 làng đẹp của Tàu xưa, lại có nghề nấu rượu nổi tiếng ngon như “Tam Quốc chí” đã tả. Câu kết “Ơn đức vua Tề” nhắc lại sự tích Tề Tuyên Vương thấy lính dắt trâu đi qua trước thêm, con trâu run rẩy sợ hãi, vua hỏi thì được biết hị dắt trâu đi giết lấy máu làm sơn tô chuồng mới, bèn ra lệnh tha trâu không giết.

Nguyễn Khuyến ví mình như là một con trâu già mà người ta chỉ nhắm nhắm muốn giết để ăn thịt, liệu ông (chỉ vua Thành Thái) có tha mình như vua Tề đã tha trâu không giết thịt?

Vấn vôi

Vấn vôi : *ngấn ngủi*

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xòai: xóng xoài”

Viết chuẩn là “sóng soài”, (cũng như viết “sóng sướt”, không phải “xóng xướt”).

(Hàng Tuấn Công)

Muôn chung nghìn tứ

Chung là *cái hộc*, dùng để đóng thóc ngày xưa. *Tứ* là *cỗ xe* có bốn ngựa kéo. Câu này chỉ bậc vương hầu khanh tướng, ăn lộc đến nghìn chung thóc, trong nhà có hàng nghìn cỗ xe ngựa.

Một lời đã biết đến ta. *Muôn chung nghìn tứ* cũng là có nhau

(Truyện Kiều)

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Trừu: trừu mển”

Viết đúng là “*triu* mến”. Vì “triu” biến âm của “trú”, nghĩa là thương mến, không muốn rời ra. *Việt Nam tự điển* (Lê Văn Đức) mục “triu mến” xem “trú-mến”: Triu-mến, yêu-thương như ghiền (nghiện) hơi, quán-quýt một bên luôn: Đem lòng triu-mến”.

(Hàng Tuấn Công)

Chửi mất gà ở Huế

Hôm qua tau mất con gà mái dầu khoang cổ. Hôm ni tau mất con gà mái nở khoang bông. Con mô bắt là gái trốn chúa lộn chồng. Thằng mô bắt ba đời đi ở đợ. Tụi bay vén mái tai, gài mái tóc, chống cửa cho cao, chặt hàng rào cho thấp mà nghe tao chửi... Bay ăn cho chồng bay sợ, cho vợ bay kinh. Bay ăn cho ngã miếu sập đình, cho mồ cha bay chết hết để một mình bay ăn

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xọm: già xọm”

Viết đúng là “già *sọm*” (sọm = *gầy, già yếu, hom hem*).

(Hàng Tuấn Công)

Dê còn buồn sừng húc đậu thưa

Bà Hồ Xuân Hương có câu “Dê còn buồn sừng húc đậu thưa”.
Tàu có câu “Đê dương húc phiên” nghĩa “*dê đực húc giậu*”

Từ điển chính tả sai lỗi...chính tả

“Xộ: xừng xộ”

Viết đúng là “sừng sộ”, vì “*sừng*” nghĩa là *gờm nhau*, khiêu khích, chực ăn thua với nhau.

(Hàng Tuấn Công)

Chữ nghĩa làng văn

Làng Kẻ Noi đầm lầy, muỗi bay như rắc trấu không canh tác được. Hãy nhìn một lão làng đang quảy gánh, trong thúng có đồ nghề gắp phân bằng cật tre gộc. Thúng kia có con dao cau, cuộn giầy gai, bình vôi để dịt vết thương, ấy là bởi nghèo túng quá lão làng làm *nghề hoạn lợn*.

Cùng hót phân như Kẻ Noi, làng Phương Lưu, Hải Phòng, có người làm *nghề đạo chích*. Tên đạo chích khoét vách vào nhà người ta khoắng một mẻ để ăn tét. Vì thán củ mật nên gia chủ hờm sẵn cái lưới cày phạp xuống ngọt lịm. Nhưng chết vào giờ linh nên được làng rước vào đình thờ là...*thần hoàng ăn trộm*.

Chữ nghĩa làng văn

Năm 1469, vua Lê Thánh Tông vi hành tới Hà Đông thăm miếu *thần hoàng thờ quang gánh và đôi đũa cật gắp phân*.

Vua ban câu đối chữ Hán cho làng:

“Thân trụ nhất hung y, năng đảm thế gian đa năng sự
Thủ trì tam xích kiếm, tận thu thiên hạ trí nhân tâm”

Diễn Nôm

”Khóac tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ

Vung ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian”.

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Khi số hội viên đã lên tới 50 người, nhóm đã thành lập một đoàn Chèo Cổ do Vũ Huy Chấn, Nhất Linh và Trần Tuấn Khải phụ trách. Một ban kịch được thành lập do hai kịch tác gia Vi Huyền Đắc và Vũ Khắc Khoan cùng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đảm trách.

Phần trình bày về ngày thành lập của nhóm Bút Việt đáng lẽ đến đây là chấm dứt, nếu không có lời nhận định sau đây của nhà thơ Viên Linh, chủ nhiệm tạp chí Khởi Hành xuất bản ở Nam Cali:

“Trung Tâm Văn Bút Việt Nam do *bác sĩ Trần Kim Tuyến thúc đẩy thành lập để chống Cộng*, cho kịp thời với Đại hội Văn Bút ở Tokyo vào năm 1957, cuối cùng đã do *Việt Cộng điều hành, qua bàn tay Thanh Lãng, Phạm Việt Tuyền*”

Đoạn văn trên trích từ cuốn “Chiêu Niệm Văn Chương – Vũ Hoàng Chương Lịch Sử Thơ”, tác giả Viên Linh. Đưa ra một chi tiết động trời như thế, nhưng ông Viên Linh không hề nêu được một bằng chứng nào cho thấy “*Trung Tâm Văn Bút Việt Nam do bác sĩ Trần Kim Tuyến thúc đẩy thành lập để chống Cộng, cho kịp thời với đại hội Văn bút ở Tokyo vào năm 1957*”.

Ông Trần Kim Tuyến tài năng cỡ nào mà có thể khuynh loát được 19 nhà văn, nhà thơ, v...v... trong đó có cả những bậc lão thành như: Đỗ Đức Thu, Vương Hồng Sển, Vi Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương, Tam Lang Vũ Đình Chí, Tchya Đái Đức Tuấn..v..v..

Xin hỏi, chẳng lẽ 19 nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo có mặt trong nhóm sáng lập Văn Bút không có ai chống cộng hay sao mà lại phải nhờ ông Trần Kim Tuyến “thúc đẩy?”. Viết lách như thế mà cũng đã có thời *ông Viên Linh làm Chủ tịch Văn bút Hải ngoại* thì kể cũng lạ. Rồi lại nữa khi ông giáng một đòn búa tạ nặng nề lên tổ chức Văn Bút VN bằng một câu ngắn gọn: “... cuối cùng [Trung Tâm Văn Bút Việt Nam] đã *do Việt Cộng điều hành, qua bàn tay Thanh Lãng, Phạm Việt Tuyền*”.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Chữ là nghĩa

Chim rừng có cánh, nhiều lông
Chim nhà không cánh nhưng lông vẫn nhiều

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn

Xuân Diệu

Thơ Thơ (1938), *Phấn Thông Vàng* (1939), *Trường Ca* (1944), *Gửi Hương Cho Gió* (1944).

Tuy chỉ hoạt động trong thời gian 8 năm ngắn ngủi nhưng thành tựu của Tự Lực Văn Đoàn thật lớn lao. Với 2 tờ tuần báo và một nhà xuất bản, nhóm đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam về cả 2 phương diện tư tưởng và văn học.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Nhắc đến văn chương viết về chiến tranh, không thể không nói đến Phan Nhật Nam. Từ sau 1968, miền Nam thực sự ra khỏi cơn huyền mộng sâu, cơn mê đắm ảo tưởng hoà bình dằng dặc. Mặc dù bao gồm nhiều thể loại, nhiều đề tài, nhiều nội dung, văn học miền Nam chưa bao giờ cảm nhận được sức nóng của ngọn lửa chiến tranh trên trang viết trực tiếp đến như thế. Tôi bắt đầu đọc Phan Nhật Nam từ năm mười bốn tuổi, còn quá nhỏ để hiểu và nhớ đầy

đủ chi tiết, nhưng ấn tượng của *Dấu Bình Lửa, Dưa lưng nổi chết, Dọc đường số Một...* là không thể nào phai được.

Đọc anh, tôi hiểu ra rằng chỉ vài năm nữa, nếu không có gì thay đổi, tôi sẽ là một trong những người lính mang ba lô, súng đạn trên vai lội qua sinh lầy, rừng thẳm, muối mòng, lội qua bom đạn như bao nhiêu người lính vô danh khác, chứng kiến những xóm làng lửa cháy, mẹ con dất dứ nhau chạy loạn, đụng trận với những kẻ địch mà mình không hề căm thù, nhưng vẫn phải nổ súng vào họ. Tôi sẽ giết người hay tôi sẽ bị giết, hay là cả hai. Đọc Phan Nhật Nam là đọc bi kịch của chiến tranh, những cái chết oanh liệt, một hậu phương tan rã, những suy nghĩ về đời sống, về những xung đột dân tộc mà không thể không đối diện. Lạ lùng thay, đọc anh, tôi cảm yêu đất nước mình hơn cũng như khi tôi đọc Khái Hưng, Nhất Linh, Vũ Bằng, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Nhật Tiến, Nhã Ca, Lê Tất Điều, nhưng bằng một tình yêu cay đắng, tỉnh táo, khốc liệt, ghen ngào. Và giận dữ.

Tôi từng có dịp được gặp, trong những giờ ngắn ngủi, Phan Nhật Nam, khi anh đến Canada và Hoàng Phủ Ngọc Tường, khi tôi về Việt Nam, ngồi trước các anh, hai nhà văn viết bút ký, cả hai đều cùng quê Quảng Trị với tôi, một chiến trường máu lửa, nơi thư hùng của các đại đơn vị Nam, Bắc, tôi nhận ra rằng bi kịch của cuộc chiến tranh sẽ còn đeo đẳng dân tộc chúng ta. Cho đến khi nào chúng ta chưa tìm được cách để trò chuyện với nó, giải thích nó. Muốn thế cần có thời gian, cần có sự tha thứ. *Rất nhiều tha thứ. Rất nhiều can đảm.* Hai người đã chọn lựa hai con đường khác nhau: họ chính là biểu tượng của chiến tranh vừa qua.

(Nguyễn Đức Tùng)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ đợi là chờ...
Cứ âm là nhạc cứ thơ là vần
(Bùi Giáng)

Lão Dương Dê Húc Càn nơi chốn ngục tù - 1

Việc liên lạc gửi bài vở đi và nhận quà cáp giúp đỡ từ anh Trần Tam Tiệp của anh em chúng tôi và mấy người nữa như các anh Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Khuất Duy Trác, thêm Lý Thụy Ý và cô Nguyễn Thị Nhạn, bị nhà cầm quyền cộng sản khám phá ra rồi làm to chuyện, dẫn đến việc tất cả cùng bị bắt giam vào Phan Đăng Lưu ngay trong một đêm đầu tháng 5/1984.

Trong thời gian bị giam giữ ở đây, không bao giờ tôi nhìn thấy anh Dương Hùng Cường và các anh kia vì mỗi người một nơi, mà chỗ nào thì cũng kín bưng những bức tường ngăn cách, nhất là biệt giam khu B bên tôi nằm khuất mãi tận cùng phía đằng sau. Đôi khi chỉ nhắn hỏi tin tức của nhau qua mấy người tù làm lao động bên ngoài.

Khi thăm vấn tôi, các viên cán bộ an ninh hỏi cung đều căn vặn liên tục về thời gian cùng sự tương giao giữa tôi và anh Dương Hùng Cường với anh Trần Tam Tiệp. Họ cũng truy vấn nguồn mối liên lạc cùng các bài vở đã gửi đi qua cô Nguyễn Thị Nhạn, thêm nữa là mọi thứ quà cáp giúp đỡ đã được nhận.

Họ cũng tra hỏi về các thân hữu cũ và một số tên tuổi người này người nọ còn ở lại Sài Gòn sau ngày 30-4. Xem ra họ rất đặt nặng cách viết về chế độ của anh Dương Hùng Cường trong bài *Nếu chàng Trương Chi đẹp trai*. Tuy vậy, anh Dương Hùng Cường và các anh khác đều được ra phòng tập thể chỉ sau hơn ba tháng biệt giam, có nghĩa là đã kết cung xong xuôi.

Anh Dương Hùng Cường nhờ qua người tù làm lao động bên ngoài nhắn với tôi rằng hẹn ngày về gặp lại nhau ở *Thương nhớ mười hai*. Nhưng rồi lời hẹn này đã mãi mãi trở thành lời hẹn và không bao giờ thực hiện được nữa.

(Nhớ về anh Dương Hùng Cường và ...- Trần Ngọc Tự)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ uống là say..
Cứ chân là bước cứ tay là sờ
(Bùi Giáng)

Dương Hùng Cường ở nhà giam Chí Hòa - 2

Xe chở chúng tôi từ số 4 Phan Đăng Lưu sang nhà giam Chí Hòa là loại xe vận tải. Công an thành phố dùng loại xe này vừa chở hàng, chở gạo, chở heo và chở tù. Bọn 'Biệt Kích' lách thếch xách giỏ, chiếu lên xe tù sáng ấy gồm sáu mạng: Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tự, tôi (Hoàng Hải Thủy) và hai nữ là Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn.

Đây là lần thứ nhất, sáu anh em chúng tôi đặt chân vào 'đất thánh Chí Hòa.' Chỉ có cô Nguyễn Thị Nhạn là người bị bắt lần đầu, còn chúng tôi kể cả cô Lý Thụy Ý đều đã bị bắt một lần rồi, nhưng chưa ai 'được' vào Chí Hòa (...). Sau 2 giờ 'đoàn tụ' thân mật, vui trên xe tù, chúng tôi lại được 'ưu ái' chia ra mỗi tên ở một phòng."

Ở khám lớn Chí Hòa, tôi thấy có nữ tu Thích Trí Hải – bị bắt trong nhóm Già Lam, gồm Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Lê Mạnh Thát...

Khi vào phòng 10 khu ED Chí Hòa, tôi mới biết anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt đã từ Phan Đăng Lưu sang đây trước tôi đang ở phòng 11 cạnh phòng tôi.

Anh Hiếu Chân bị bắt sau tôi chừng hai tháng, anh bị chứng huyết áp cao, qua đời vì cơn bệnh này trong một đêm đầu năm 1986...

(Cái chết của nhà văn Dương Hùng Cường - Hoàng Hải Thủy)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Tài năng có hạn, thủ đoạn vô biên.

Đã có một thời...

Hà Thượng Nhân

Một "cơn mưa buồn"

Cho nên khi anh từ già vĩnh viễn cuộc đời, anh em khắp nơi xôn xao, điện thoại cho nhau. Mỹ gọi cho Úc, Úc gọi cho Pháp, Pháp gọi cho Canada, Canada gọi cho Việt Nam. Một nỗi tiếc thương âm thầm như khói sương lan toả trong tất cả những lá thư, dù là thư điện tử, dù là tiếng nói trong điện thoại đường dài. Đôi khi lại là tiếng cười cùng nhau, nhưng... lại có cái gì đó bằng bạc nuối tiếc thầm kín. Tôi không thể diễn tả được chính xác là cái gì và cũng không diễn tả được trọn vẹn tình cảm ấy. Chỉ biết "nó" là thật, là một cơn mưa buồn, như câu thơ anh làm trong "trại cải tạo" ở Long Giao vào năm 1975:

Bây giờ giữa Long Giao
Ngồi nghe mưa sùi sụt
Cuộc đời như chiêm bao
Có hay không nẻo cụt?
Anh chằm điều thuốc Lào
Mình say, mình say sao?

Tưởng như mới hôm nào, anh ngồi cùng tôi ở trong cái gọi là "trại cải tạo", cùng hút chung "cái điều cây tự chế", nay anh đã ra người thiên cổ. Một sự thật khác cần nói là anh mất ở tuổi 90 đã là thọ lắm rồi, chúng tôi đều biết anh đã suy nhược nhiều và ngày ra đi của anh không còn xa. Không "chết trẻ" để làm tăng nỗi đau xót tiếc thương. Nhưng riêng sự vĩnh biệt của anh làm nên nỗi tiếc nuối ngậm ngùi trải rộng như cơn mưa mùa đông.

Với anh Hà Thượng Nhân, tôi nghĩ, mọi người dành cho anh cả tấm lòng chân thật nhất.

(Trường niệm Hà Thượng Nhân – Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Thương anh chín đời mười chờ.
Đến khi mười một, em lơ bỏ anh.

Chữ nghĩa xưa cũ

Ông Bình Nguyên Lộc nghe câu người ta chửi thề: “Mả cha mày chạy chứ mả ai chạy!”. Ông giải thích thồ là đất, mỗ là nắm mỗ, xe *thồ mỗ* tức cái xe như...*nắm mỗ lùm lùm* chạy trên đường phố. Nhưng thồ mỗ là cách đọc của mình theo âm Quảng Đông là “*tủ mỗ*”, tức *đọc mả* (một ngựa).

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Tưởng nhớ nhà thơ Nam kỳ lục tỉnh Trần Tuấn Kiệt

Những năm cuối đời, sức khỏe yếu kém, răng rụng gần hết, không còn sáng tác! Trong tùy bút của ông, “Một mùa xuân trở lại” ông bày tỏ kỷ niệm trước năm 1975 Kiệt “Hễ đến mùa Xuân thì tôi lại nhớ tới những người tình xưa và nhất là những người bạn thân mà đời mình không thể nào quên.” và sau này:

“Mùa xuân này tôi chợt có dịp trở về con đường hẻm Bàn Cờ cũ gần nhà cụ Nguyễn Đức Quỳnh nơi cư xá Đô Thành có trường Tân Thanh... Ngày đó trong khuôn viên đại học Văn Khoa có dựng một gian nhà gỗ nhỏ của nhóm họa sĩ trẻ gồm Mai Chửng điêu khắc, Nguyễn Trung, Nghiêu Đề, Hồ Thành Đức... Căn nhà gỗ này do Nguyễn Trung và Hồ Thành Đức xin được trong không quân đem về dựng lại. Hằng ngày Nguyễn Khai và Nguyễn Thành Nhơn đến điêu khắc chơi và thoát tiên cũng là chỗ ngủ của Nguyễn Nghiệp Nhượng và Cù Nguyễn.

Sau 75, khi qua đường Lê Thánh Tôn, tôi nhớ lại cái quán cà phê cũ đã thay mới, các cây diệp (phượng đỏ) cội rất lớn, thân cây bị cưa cụt đã đâm ra thêm nhiều cành nhánh mới, có nhánh đã ra hoa. Tôi đứng lặng nhớ về bạn bè hay gặp nhau ở đây. Trần Lam Giang, Phạm Quốc Bảo và Bùi Ngọc Tuấn, nhớ tới các bạn họa sĩ, Khánh Ly, Nguyễn Thụy Long. Cả mấy chục năm ở Sài Gòn mà tôi cứ quanh quẩn mãi Thị Nghè như một thằng Mán không biết gì nhiều sự đổi thay.”

(Vương Trùng Dương)

Thành ngữ hiện thực

Tài sản lớn nhất của mỗi người là tình bạn
đặc biệt là với những người bạn có tài sản

166 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Người dẫn tôi đến làm quen với quán cóc đầu tiên là anh Hồ Dzếnh, nhà thơ nổi tiếng tiền chiến với hai tác phẩm *Chân trời cũ* và *Quê ngoại*. Đó là vào đầu năm 1953, tôi mới từ Hà Nội vào Sài Gòn. Anh Hồ Dzếnh lúc đó đang viết cho báo Thần Chung của ông Nam Đình, dưới bút hiệu Lưu Thị Hạnh.

Chân ướt chân ráo tới Sài Gòn, tôi tìm Hồ Dzếnh ngay, bởi tất cả nhà văn sống ở Sài Gòn hồi đó, tôi chỉ quen có mỗi mình Hồ Dzếnh, tôi đến tìm Hồ Dzếnh vào lúc trưa. Anh Dzếnh giới thiệu tôi với ông Nam Đình lúc đó đang bận rộn với mấy hàng tit lớn trên báo chí khế gặt cái đầu chào lại tôi rồi lại cầm cúi xuống trang bài vở còn ướt mực trên bàn. Hồ Dzếnh kéo tôi ra khỏi tòa soạn:

- Cậu đã ăn gì chưa?

Tôi cười, thú thật là từ sáng chưa có gì vào bụng hết. Tác giả *Chân trời cũ* gật đầu:

- Nếu vậy mình đi ăn luôn.

Và anh dẫn tôi vào một quán cóc bên lề đường lúc đó còn ở đường Nguyễn Văn Thịnh, góc đường nhỏ ăn thông sang đường Tự Do rồi về đường Nguyễn Huệ. Con đường Nguyễn Văn Thịnh này hồi đó đầy những quán cóc và tiệm cơm bình dân trên hè. Chai bia đầu tiên tôi uống ở Sài Gòn do Hồ Dzếnh mời ở trong một quán cóc vô danh nơi đó. Và cũng là lần đầu tiên gã Bắc Kỳ mới lạ, tôi ngỡ ngác trước cụ Hồ Dzếnh, về cách kê món ăn ở trong Nam. Hồ Dzếnh đã làm tôi ngạc nhiên với những danh từ "la ve" và "mì khô". Ở Hà Nội chỉ có *mì nước* với *mì xào* chứ không có *mì khô*. Hồ Dzếnh bảo tôi:

- Cậu định sống ở cái đất Nam Kỳ này thì phải tập ăn những món miền Nam. *Mì khô, hủ tếu, giá sống và hột vịt lộn*.

Thú thật lúc Hồ Dzếnh đưa tôi vào quán cóc, tôi đã thất vọng và hơi buồn vì cách xử của nhà thơ này. Tôi yêu Hồ Dzếnh, yêu thơ Hồ Dzếnh, yêu những truyện ngắn của Hồ Dzếnh trong *Chân trời cũ*, nhưng quả tình lúc đó không còn thấy yêu Hồ Dzếnh chút nào khi anh đưa tôi vào một quán cóc bên lề đường, mời mình ăn một bữa trưa với một chai lave với *một tô mì khô hai vắt*. Vừa từ Bắc vào, "máu Hà Nội" hãy còn đầy người, tôi chưa thể chấp nhận cái lối tiếp bạn tại một nơi... tạp nhạp như vậy. Nhưng tôi cũng cạn hết chai lave và ăn hết tô mì khô do Hồ Dzếnh mời.

Đợi tôi ăn hết tô mì, Hồ Dzếnh hỏi tôi:

- Cậu thấy thế nào?

- Anh nói cái món mì này há?

Tôi hỏi lại Hồ Dzếnh. Anh gật đầu:

- Phải. Bắc Kỳ làm gì có thứ này? Cậu ăn có lạ miệng không?

Tôi thành thật cho Hồ Dzếnh biết là cái thứ mì này thua xa mì Hà Nội. Đói thì ăn hết vậy thôi chứ không thấy ngon gì hết.

Hồ Dzếnh vẫn cười:

- Nếu vậy thì cậu nên ở chơi Sài Gòn vài bữa rồi về Hà Nội chứ đừng nên ở đây lâu.

(Hồi ức về thi sĩ Hồ Dzếnh – Thanh Nam)

Thành ngữ hiện thực

Chớ nên bán đứng bạn bè khi chưa được giá

Đường văn ngũ chữ

Biệt danh vui của Phùng Quán

Bộ tiểu thuyết 3 tập "Tuổi thơ dữ dội" của Phùng Quán sau khi được in năm 1988 đã gây tiếng vang lớn. Khi rời khỏi quân đội, vợ làm giáo viên, gia cảnh Phùng Quán lúc ấy rất nghèo. Cái tích "*Cá trộm, văn chui, rượu chiu*" ra đời trong hoàn cảnh ấy. Lúc đó, nhà ông ở cạnh hồ Tây nên thường câu trộm cá ở đấy để thêm vào những bữa ăn gia đình. Phùng Quán lại hay rượu, là con nợ kinh niên của nhiều chủ quán rượu quanh hồ. Ông kể có một lần, có chàng thủy thủ tàu viễn dương đến nhà "tán" cô con gái rượu xinh đẹp của ông, đã để lại biếu ông một nửa gói thuốc ba số 5, ông đã phải mang ra quán đổi lấy... rượu uống được mấy ngày.

Trong một cuộc thi viết về Lê Nin do Đại sứ quán Liên Xô (cũ) tổ chức, Phùng Quán liền gửi bài dự thi và được giải. Giải thưởng là một chiếc xe đạp Liên Xô, vành to, hồi đó thường gọi là "*xe trâu*". Chiếc "xe trâu" ấy được Phùng Quán đi cho đến cuối đời.

Không chỉ nổi danh bởi những bài thơ, tiểu thuyết đề đời như Tuổi thơ dữ dội, Hôn, Vượt Côn đảo... và những giai thoại xung quanh biệt danh "Cá trộm, văn chui, rượu chiu" mà Phùng Quán còn "đề đời" với giai thoại về vợ. Vợ của nhà văn Phùng Quán là bà Bội Trâm, là giáo

viên trường Chu Văn An. Hồi Phùng Quán vào Huế viết tập 3 cuốn tiểu thuyết "Tuổi thơ dữ dội" nhiều tháng liền không gửi thư về nhà, bà Bội Trâm nhớ chồng quá liền viết thư gửi vào Huế nhờ nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo tìm giúp.

Nhưng lúc ấy Phùng Quán đã du xuân vào Sài Gòn vài tháng sau mới trở ra Huế. Sau khi đọc bài thơ của vợ gửi: "Chòi trống im lìm, khách ngẩn ngơ/ *Bình khô, rượu cạn*, điệu chằng tơ/ Bao giờ điệu lại reo êm ái/ Nhà rộn tiếng cười, ấm giọng thơ" thì Phùng Quán bỗng tùm tùm cười rồi nhờ Nguyễn Trọng Tạo chở ra ga Huế, lên tàu về Hà Nội.

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh

Đọc Xuân Sách trước tiên ta cảm phục lòng dũng cảm của ông. Văn học Việt Nam vào những năm "trời đất nổi cơn gió bụi", những năm thập kỷ 1970, xã hội còn chìm đắm trong nền kinh tế bao cấp, văn hoá văn nghệ bị "quản lý" đến nghẹt thở vậy mà Xuân Sách cả gan vạch trần chân tướng của tất cả những văn thi sĩ đang cụng tăn tuy hiển dăng tài năng và tâm huyết cho ...đảng, cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa".

Đầu số là nhà thơ Tố Hữu, chủ soái của văn hoá nghệ thuật của đảng, Xuân Sách vẫn không sợ, vẫn xỏ xiên :

"Ta đi tới đỉnh cao muôn trượng
Mắt trông về tám hướng phía trời xa
Chân dép lép bay vào vũ trụ
Khi trở về ta lại là ta
Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát
Trông về *Việt Bắc* tím mù mây
Nhà càng lộng gió *thơ càng nhạt*
Máu ở chiến trường, hoa ở đây..."

Với Chế Lan Viên, thi sĩ "nghĩ trong những điều đảng nghĩ", Xuân Sách thẳng tay:

"*Điều tàn ư ? Chả phải điều tàn đâu*
Anh đã tính "*Vàng Sao*" từ độ ấy
Chim báo bão gió chiều nào che chiều nấy
Lựa ánh sáng trên đầu mà đổi sắc phù sa

Trước 1945, nhà phê bình Hoài Thanh nổi tiếng với cuộc tranh luận "nghệ thuật vị nghệ thuật , nghệ thuật vị nhân sinh ?", từ sau cách mạng chỉ còn là một anh hề đồng "ca ngợi cấp trên", bởi thế Xuân Sách hạ bút :

"Vị nghệ thuật nửa đời người
Nửa đời sau lại *vị người cấp trên*
Thi nhân còn một chút duyên
Lại vò cho nát lại lèn cho đau
Bình thơ tới thừa bạc đầu
Vẫn chưa thể tắt nổi câu nhân tình
Tàn canh tỉnh rượu *bóng mình cũng tan*"

(Nhật Tuấn)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nó (*chỉ Khải Định*) ra Bắc để ký nhường cho Tây Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng làm nhượng địa".

Trong cùng cuốn sách, ở một trang khác Nguyễn Công Hoan lại viết "Ngộ nghĩnh nhất là bộ quần áo nó (*chỉ vua Khải Định*) mặc ra thăm Bắc Kỳ năm 1917, gọi là ngự giá Bắc tuần".

Nguyễn Công Hoan nhớ hai năm khác nhau, 1917 và 1919. Tôi tò mò muốn biết vua Khải Định ngự giá Bắc tuần năm nào? Khải Định nhường Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng cho Pháp ngày nào?

Về chuyện nhường đất, sử nhà Nguyễn chỉ chép vắn tắt :

- Tháng 8 năm Mậu Tý (1888) đem xứ Hàn (Tourane) làm đất nhượng địa Đại Pháp. (1)

Trần Trọng Kim chép đầy đủ hơn :

- Tháng 8 năm Mậu Tý (1888) Triều đình ở Huế ký giấy nhượng hải cảng Đà Nẵng, thành thị Hà Nội và Hải Phòng cho nước Pháp để làm đất nhượng địa nghĩa là từ đó việc cai trị và pháp luật ở ba thành thị ấy thuộc về nước Pháp, chứ không thuộc về nước Nam nữa. (2)

(Tiên học lễ hậu học văn - Nguyễn Du)

(1) Cao Xuân Dục, *Quốc triều sử toát yếu*, Văn Học, 2002, tr. 526.

(2) Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tập 2, Miền Nam tái bản, tr. 345.

Văn học dân gian

Mẹ Đốp

Chiềng làng chiềng chạ
Thượng hạ Tây Đông
Con gái Phú Ông
Tên là Mầu Thị
Tự tình ngoại ý
Mãn nguyệt có thai
Già trẻ gái trai
Ra đình ăn khoán

Đó là lời rao của *Mẹ Đốp* (bà Mõ) về vụ Thị Mầu hoang thai bị làng phạt vạ trong vở Chèo cổ *Quan Âm Thị Kính*.

(Đỗ Ngọc Thạch)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Giai thoại về vua Khải Định - 2

Trong Thất điều trần, Phan Chu Trinh đã trách vua Khải Định 7 tội, trong đó có tội "phục sức lố lăng".

Về điều này, sử sách chép rằng, việc tiếp xúc với người Pháp, đã ảnh hưởng lớn đến cảm quan của vua Khải Định. Trong cách ăn mặc của vua, ảnh hưởng này thấy rất rõ. Chỉ có bộ phẩm phục đại triều là thuộc về lễ nghi truyền thống, vua không dám đụng tới, còn tất cả thứ khác thì vua chế tác. Vua đã tạo mẫu, vẽ kiểu, thiết kế làm ra những bộ trang phục riêng cho mình dùng trong lúc thiết triều, đi vi hành, thường phục hằng ngày bằng cách đính các viên ngọc quý, vàng bạc, kim cương ... trên áo quần, giày, ủng, mũ nón, bao kiếm...



Chỉ cần nhìn xem một số hình ảnh và tượng đồng của hoàng đế Khải Định là chúng ta có thể thấy sự khác biệt đó rất rõ ràng nhất là áo bào, *cổ áo, gù vai, chóp mũ, quai nón, huân chương, kiếm, giày ống*... Điển hình là bộ võ phục, chiếc áo dài được may chèn, nhưng là áo vua nên phải thuộc loại gấm vóc, thêu rồng vẽ phượng khác hơn người thường, rồi cho *gắn thêm hai cái gù vai (épaulette)*, là thứ thường thấy trên lễ phục của *sĩ quan Pháp*. Ngoài ra, thay vì mang hia, vua đi ủng da láng bóng, có trang trí hoa văn bằng bạc, ngang lưng

mang đai cấn ngọc, mang kiếm Pháp, đeo bao tay trắng, quần tây trắng, nhưng đầu vẫn bịt khăn đóng và có khi đội nón chóp. Cái nón này lợp bằng lông vũ, bọc lụa vàng, có chóp bằng vàng. Vua cũng có một cái nón chóp khác màu đen.

Thêm nữa, vua còn cải cách cả cách ăn mặc của các cận thần. Chẳng hạn, với thị vệ, thay vì mang hia, vua cho mang giày ống. Đồng phục của kỵ binh cũng được đổi mới, bỏ mặc áo trấn thủ, chân đất quấn xà cạp, mà được mặc áo ni đỏ, mặc quần trắng, đi giày, đội nón kiểu Tây. Có thể nói, chính lối phục sức nửa Tây nửa ta này cùng với hai bàn tay mang tám chiếc nhẫn mặt ngọc, đã làm cho nhiều người đương thời bài bác vua Khải Định.

Điện Kính Thiên - 1



1428 - Năm Mậu Thân thời nhà Lê, *Lê Lợi cho xây điện Kính Thiên* ở chính giữa Hoàng thành, trên nền cũ chính điện thời Lý, trên đỉnh núi Nùng để làm chỗ bàn việc nước. Tháng tư, ngày rằm, *Lê Thái Tổ lên ngôi ở điện Kính Thiên.*

1467 - Năm Đinh Hợi, làm thêm lan can đá ở thềm điện, những thành bậc hiện nay còn thuộc thềm điện làm thời ấy :bốn thành chạy dài suốt 9 cấp, chia ra 3 lối đi vào điện. Hai dãy thành giữa chạm hình rồng bò từ trên nền điện xuống, hai thành hai bên chạm rồng, giống cách điệu rồng cuộn cuộn.

1480 - Năm Canh Tý, lớp thành ngoài bao bọc toàn bộ khu Hoàng thành và dân cư, lớp thành giữa bao bọc toàn bộ kiến trúc thuộc nhà vua gọi là Hoàng thành, lớp trong cùng bao quanh các cung điện lầu các, *nơi vua ở, làm việc, nghỉ ngơi, gọi là Cẩm thành.*

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Pho tượng “lạ” trong chùa Bà Đá



Nổi tiếng với những pho tượng thiêng, mang đậm bản sắc dân tộc, tại sao bỗng dưng ngôi chùa này lại xuất hiện pho tượng “lạ”? Mà “lạ” như thế nào?

Chú tiểu chỉ cho tôi pho tượng Phật ở ngay cửa vào ngôi chùa. Pho tượng Phật lạ ở chiếc áo xanh, tóc xanh, trông khác biệt với những tượng Phật trong chùa. Cạnh pho tượng này, có dàn bày 49 loại thuốc bắc được dâng lên để thờ cúng. Cạnh đó là chiếc lọ đựng 5 loại đậu 5 màu. Đó là những hình ảnh ít thấy trong các ngôi chùa miền Bắc, liệu có giống với một vài pho tượng dị thường mà tai tiếng gần đây?

Theo giáo lý đại thừa của Phật giáo thì Đức Phật Dược sư là một vị Phật chữa bệnh cho chúng sinh, thầy của các loại thầy thuốc, còn gọi là Y vương (vua của các thầy thuốc). Đây là Phật giáo trên cơ sở hài hòa với tín ngưỡng dân gian, trên đó có dàn bày 49 loại thuốc bắc”. “Thưa Đại đức, tại sao lại thuốc bắc? 49 loại thuốc hàm ý điều gì?” Tại sao lại có 5 loại đậu 5 màu?”

Cái áo màu xanh của tượng Dược sư chính là cái áo của quan Ngự y nên mọi người thấy lạ, mà đúng là lạ thật. Pho tượng này hoàn toàn nằm trong truyền thống của Phật giáo, đáp ứng nhu cầu tâm linh của bà con Phật tử.

(Phùng Nguyên)

Điện Kính Thiên - 2

1666 - Năm Bính Ngọ, Giáo sĩ Marini, người Ý, đến Kẻ Chợ, đã viết : "Mặc dù cung điện chỉ làm bằng gỗ, người ta thấy ở đây những đồ trang trí bằng vàng. Cung vua có những cửa vòm bằng đá và những bức tường thành. Cung điện xây trên một rừng cột to lớn và chắc chắn, có cầu thang bắc lên gác. Những rui kèo ở đây đẹp hơn mọi kiến trúc khác.

Thế kỷ 18, Lê Quý Đôn viết trong *Kiến Văn Tiểu Lục*: "Điện Kính Thiên trước làm nơi vua thi triều. Từ đời Trung Hưng trở đi ở đây đặt bài vị thờ Trời Đất nên thi triều ở cửa điện Kính Thiên.

Hàng đế lên ngôi, làm lễ kính tế trời đất, đặt hương án ở phía Đông Đan Trì (thềm cung điện nền đỏ nên gọi là Đan Trì) điện Kính Thiên. Hàng đế đội mũ xung thiên, mặc áo bào màu huyền, hành lễ trước hương án, trăm quan triều bái như nghi lễ tế Giao.

(Nguyễn thị Chân Quỳnh)

Câu đối ngoài quan ải

Chuyện kể Mạc Đĩnh Chi đi sứ năm 1308, do đường xa, mưa gió nên sứ bộ đến cửa ải Nam Quan chậm mất một ngày. Ẫi quan đóng cửa. Mạc Đĩnh Chi nói mãi chúng cũng không chịu cho qua. Sau đó họ ném từ trên cửa ải xuống một vế câu đối, bảo hễ đối được thì sẽ mở cửa cho qua, còn nếu chưa đối được thì hãy ở tạm bên dưới qua đêm, đợi đến sáng hôm sau.. Vế ra đối viết :

Quá quan trì, quan quan bế, át quá khách quá quan

(Tới cửa ải chậm trễ, cửa ải đóng, người coi ải đóng cửa không cho khách qua)

Câu đối khó vì 11 chữ của vế đối mà có tới *bốn lần nhắc lại chữ quan*. Vế đối hóc búa ở chỗ có các điệp từ “quan” và “quá” ngoắt ngoéo nhau. Mạc Đĩnh Chi thấy khó mà đối lại, nhưng ông đã nhanh trí để đối mẹo như sau:

Tiên đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối

(Ra vế đối trước thì dễ, đối lại mới khó, xin mời ngài đối trước).

Vế đối của ông có 4 chữ “đối” và 3 chữ “tiên”, quá là hay, nên viên quan coi ải vái hai vái và mở cửa ải để sứ bộ của Mạc Đĩnh Chi đi qua biên giới vào giữa đêm. Lời bàn của *Điền tiểu tử*:

- Đọc âm Hán Việt thì vế ra có 4 chữ “Quan”, những chữ “Quan” khác đều có nghĩa là “cửa ải”, nhưng chữ “Quan” thứ ba lại có nghĩa là “quan tước”.

Vế đối lại của Mạc Đĩnh Chi có 4 chữ “Đối”, *nhưng đều chỉ có một nghĩa là “đối đáp”, nếu *Điền tiểu tử* này là người giữ ải nhất định đánh rớt, cấm cửa luôn!*

- Cứ tưởng trấn cửa ải phải là võ tướng, ai dè quân Nguyên lại có lệ cho một viên văn quan ra giữ ải; đã vậy, viên quan coi ải này lại là người phóng túng bất chấp quân lệnh, chỉ vì một vế đối mà dám mở toang cửa ải cho cả đoàn người đi qua lúc nửa đêm!

- Ấy là chưa kể ban đêm, quan thả câu đối xuống cửa quan. Trời tối mù mù, trăng sao mà đọc được và viết câu đối lại được.

(Mạc Đĩnh Chi: “Lưỡng quốc trượng nguyên”? - Lê Huy Vĩnh)